

THÀNH-KINH BẢO



ĐẠ-TRÀNG XE CÁT BIÊN ĐÔNG

Sự kiêu-ngạo và khoe-khoang của loài người chắc đã tỏ rõ hơn hết vì không thôi cố-gắng xây-cất những lâu-đài nguy-nga, đồ-sộ hơn. Mỗi dự-vọng vô-giá-trị ấy cũng lâu đời bằng lịch-sử nhơn-loại. Bốn ngàn năm trước, trên đồng-bằng Si-nê-a, những người vô-tín, vô-đạo khởi-công xây một ngọn tháp, và định cất «cao đến tận trời» (Sáng 11 : 4). Họ không kể chi Đức Chúa Trời, nhưng Ngài thừa biết công-việc họ, và đã phá-hủy mưu-dịnh của họ chỉ bởi làm cho tiếng nói lộn-xộn đến nỗi họ không hiểu được nhau.



Đua dựng lâu-đài hư-nát

NĂM 1889, tại kinh-thành *Paris* người ta xây-dựng tháp *Eiffel* cao gần 300 thước ; dầu chẳng dùng vào việc gì công-ích, nhưng trong mấy năm, nó là công-trình kiến-trúc cao nhất do tay nhơn-loại. Song cách đó ít lâu, người bên Mỹ đẩy dự-vọng, tung bạc vàng, cũng khởi-công xây-cất nhà ở cao bốn năm mươi tầng, chớ chẳng phải dựng tháp không mà thôi. Mới đây họ lại dựng xong hai tòa nhà chọc trời, một cái bảy mươi tầng, và một cái ngoại trăm tầng. Cái thứ hai này, đặt tên là *Empire State Building*, cao gần 400 thước, và đối với các nhà khác ở chung-quanh, thì hùng-vĩ như vua cai-trị thần-dân.

Hiện nay ở nước Nga Sô-viết, người ta cũng chẳng chịu kém chút nào, nên trên khu đất ngày trước đứng sừng «Nhà-thờ Cứu-Chúa» nguy-nga, họ định xây «Lâu-đài Sô-viết.» Khi nào công-cuộc hoàn-thành, ắt lâu-đài ấy sẽ rộng và cao nhất thế-giới. Thật là một công-trình kiến-trúc độc-nhất vô-song, vì cứ theo kiểu-mẫu, thì lâu-đài giống hình kim-tự, có sáu cái tháp tròn cất chồng lên nhau, và trên đỉnh lại dựng tượng khổng-lồ của *Lénine* cao 80 thước. Cả lâu-đài và tượng cao 420 thước. Làm như thế chẳng qua là thờ-lạy hình-tượng và đáng bị rửa-sả ! Ngông-cuồng, hư-ảo thay, mỗi dự-vọng ấy ! Một ngày kia, mọi việc của loài người cũng như chính loài người sẽ tan thành bụi đất.



Đền Thánh của Cha Toàn-năng

NHƯNG có một lâu-đài thiêng-liêng đương xây dở, và sẽ còn lại đời đời. Chẳng ai tả xiết vẻ hùng-tráng, mỹ-lệ của lâu-đài ấy. Chính là Đền-thờ thật của Đức Chúa Trời hằng sống, xây bằng vàng Đức-tin, bạc Trông-cậy, và thép của những linh-hồn mạnh-mẽ, trong-sạch đã dám tin-cậy cùng vâng lời Chúa vô-hình mà họ thờ-phượng. Đền-thờ này được soi tỏ bởi ánh sáng Yêu-

thương thiên-thượng trong suốt văng ra từ lòng Đức Chúa Trời, và được xây-dựng trên nền vững-chắc của Đức Chúa Jê-sus-Christ. Ngài vừa là nền-tảng và thượng-đỉnh vinh-quang của Đền-thờ. Hết thảy tín-đồ chơn-thật đều là những hòn đá sống dùng để xây-cát lâu-đài lạ-lùng ấy. Chúng ta há chẳng nên giao trọn mình trong tay nhà Kiến-trúc Cao-cả, để được đạt tới số-phận mình bởi xứng-hiệp với chương-trình của Chúa?

TRẢI QUA MỘT CUỘC BIẾN DÂU

1914-1934! Hai mươi năm đã qua mất kể từ khi ngọn lửa Âu-chiến bùng lên. Đương khi góc trời Âu nhuộm huyết, có kẻ nói rằng cuộc chiến-tranh khốc-hại ấy sẽ là tận-điêm của mọi cuộc chiến-tranh, và sẽ cho thế-giới được thanh-vượng, hòa-bình mãi mãi. Chính là hi-vọng hư-ảo và tư-tưởng mơ-hồ!



Đất chuyển-động, trời lung-lay

CÁC biến-động trải qua mấy mươi thế-kỷ lại hiển-hiện trong khoảng hai mươi năm nay. Tai-biến, hoạn-nạn, đau-đớn và buồn-thảm đã tràn-ngập thế-giới. Cuộc Âu-chiến đã vùi sâu trong mồ-mả mười triệu đồng-sĩ, vốn là tinh-hoa của bốn phương trời. Cuộc đổ máu ấy vừa xong, thì bịnh cúm cuốn mười hai hoặc mười lăm triệu người vào cõi vô-tận. Gặp ôn-dịch ghê-gớm ấy, y-học đành chịu bó tay. Nhiều cơn động đất kinh-khiếp hơn hết đã lay-động Âu, Á, Mỹ-châu, nuốt mất mấy mươi ngàn nhơn-mạng. Đói-kém, là cơn ma gây-ôm, cũng hạ mạnh bàn tay hung-ác trên nhiều nước Âu-Á, gây nên bao cảnh thảm-khổ, tử-vong, nào ai kể xiết? Lại còn một tai-họa gớm-ghê và khó hiểu hơn hết, tức là nạn kinh-tế khủng-hoảng. Giữa hồi phong-phú mà mấy mươi triệu người lâm cảnh thất-nghiệp, nghèo-nàn, mới là lạ chớ! Cách đây ít lâu, suốt miền Bắc-Mỹ và ở nhiều nước Âu-châu có cơn hạn-hán xưa nay chưa từng dai-dẳng đến thế. Tổng-thống *Roosevelt* tuyên-bố rằng cơn hạn-hán ấy là họa chung cả nước. Một tờ trình của bộ Canh-nông nước Mỹ cho ta hay rằng số lương-thực trữ sẵn cho toàn-quốc có cơ thiếu-hụt tai-hại. Trái lại, ở xứ Pha-lê-tin mới xảy ra nạn lụt gần miền Ti-bê-ri-át, chết mất mười lăm nhơn-mạng do một cơn mưa bão nặng-nề khác thường. Thật là một biến-động kỳ-dị đặc-biệt, vì xứ Pha-lê-tin thường ít có mưa.



Chuông báo Chúa gần trở lại!

CHÚNG tôi tin rằng những đại-nạn không dứt này làm ứng-nghiệm lời tiên-tri của Đức Chúa Jê-sus-Christ về các cơn đoán-phạt kinh-khiếp sẽ xảy ra trước khi Ngài trở lại (xem Ma 24). Các nước hung-hăng và náo-loạn (xem Thi 2). Đức Chúa Trời phán tỏ-tường với thế-gian tội-lỗi và vô-tín rằng: «Còn một lần nữa, ta sẽ chẳng những rung-động đất mà thôi, nhưng cũng rung-động trời nữa» (Hê 12: 26). Những đại-nạn này chẳng phải tình-cờ xảy đến, hoặc là hiệu-quả của những năng-lực thiên-nhiên. Đấng Toàn-năng nắm mọi việc đời cứ theo phương-lược riêng của Ngài. Đối mặt với những diêm khiến người đời kinh hồn khiếp đảm đó, chúng ta, là tín-đồ chơn-thật, chẳng những không hãi-hùng, song còn vui-vẻ, vì biết rằng theo ánh sáng của Đức Chúa Trời, thì những biến-động kể trên là «tiền-khu» của sự Đấng Christ tái-lâm và nước thiên-dàng trên đất.

«Bóng tối-mịt gần qua, Chúa Jê-sus sắp đến;

Kìa, ánh sáng ngời tỏa, kèn thiên-sứ vang-rền!» (Theo thơ thánh 64).—T. K. B.



KINH-THÁNH BỊ XIỀNG-XÍCH

MỤC-SƯ R. SAILLENS, THẦN-KHOA TẤN-SĨ

ĐỐC-HỌC TRƯỜNG KINH-THÁNH, NOGENT-SUR-MARNE, PARIS

HỒI thế-kỷ thứ 16, nhờ sự phát-minh nghề in hoạt-bản, Kinh-Thánh được truyền khắp giữa vòng tín-dồ, khiến cho người người đều lấy làm lạ-lùng và vui-thích.

Khi đó, người ta rất mừng-rỡ, tưởng chừng Hội-Thánh trở lại thời-kỳ đầu-tiên; thật chẳng khác chi bọn trẻ lạc-loài thốt-nhiên tìm được mẹ vậy. Những linh-hồn khát-khao chơn-lý lấy làm thỏa-thích vì được uống no sữa thiêng-liêng và tinh-khiết, tức là Lời Đức Chúa Trời. Sau khi trải qua đắng-đắng nhiều thế-kỷ hắc-ám và tử-vong, họ thật thỏa lòng mát dạ vì thấy mình được sống lại. Nhiều bậc cổ-lão trong thời đó biểu-đồng-tình với ông *Lefèvre ở Étaples*, người thứ nhứt dịch Tân-Uớc ra tiếng Pháp, mà luôn nhắc lời của ông già Si-mê-ôn rằng: «Lạy Chúa, bây giờ xin Chúa cho tôi-tớ Chúa được qua đời bình-an theo như lời Ngài, vì con mắt tôi đã thấy sự cứu-vớt của Ngài» (Lu 2: 29-30).

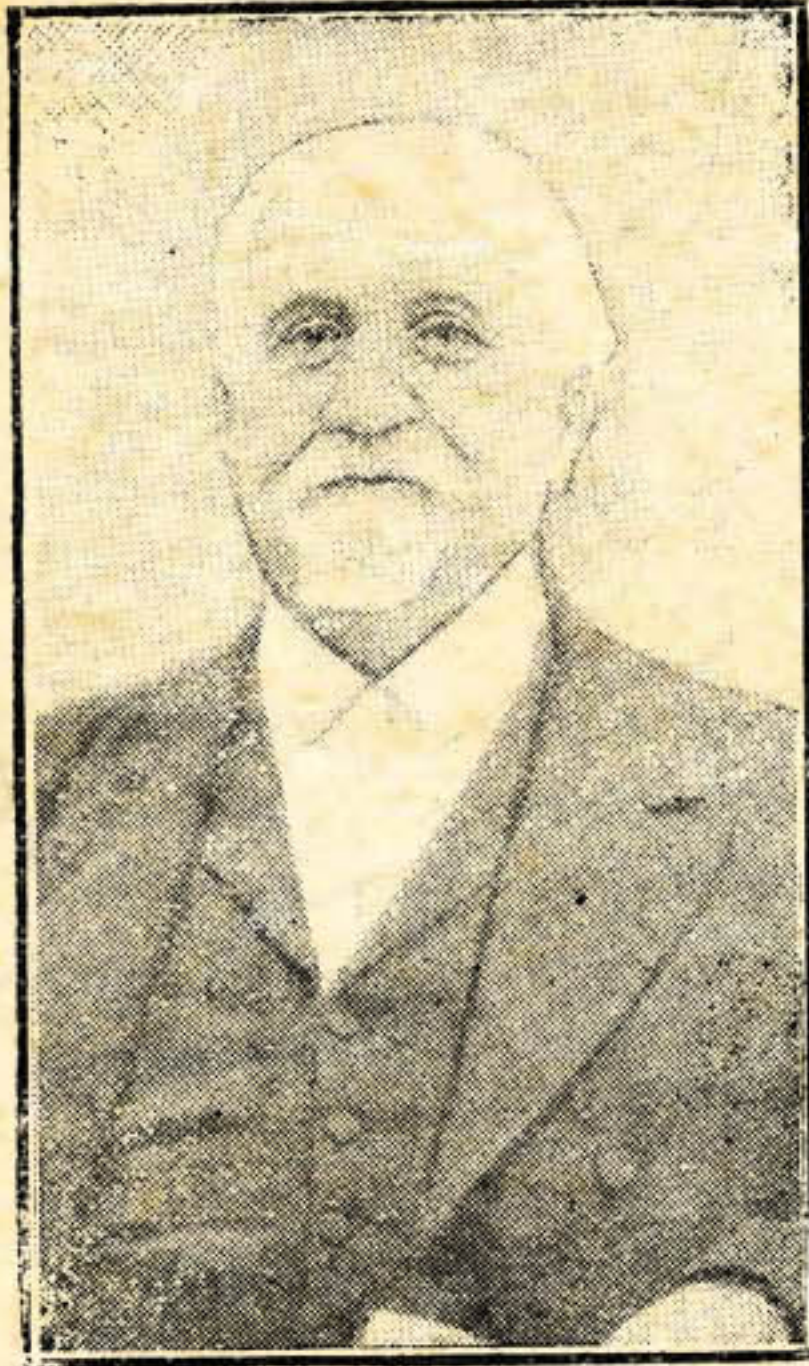
Kinh-Thánh là sự cứu-rỗi ban cho mọi người, không cần ai làm môi-giới, là chơn-lý do Đức Chúa Trời khải-thị đã chiếm chỗ các truyện-tích truyền-khẩu, hoang-đàng và phá đổ những sự mê-tín, dị-đoan trong đời Trung-cổ, và là quyền-năng của Đức Chúa Trời thể chỗ sự áp-chế quá-đáng của các phẩm-

trật Giáo-hội lúc đó. Rốt lại, chính Đức Chúa Trời tỏ mình là Cha và Cứu-Chúa của mọi dân-tộc và mọi hạng người. Ngài lại dùng tiếng riêng cho mỗi dân-tộc mà phán-dạy họ nữa.

Quả thật, nhờ phép lạ, Kinh-Thánh đã thoát tối-tăm tạm-thời và đã cứu cả nhơn-loại khỏi vòng tối-tăm, tuyệt-vọng. Bởi có đó, những người biết đọc—nhiều người chưa biết chữ cũng dụng công học để biết đọc—đều ước-ao có Sách Thánh ấy. Nhưng nghề in sách bấy giờ mới phôi-thai, nên chỉ xuất-bản được thứ sách to-lớn, nặng-nề, không tiện đem theo; giá bán rất đắt, riêng hạng giàu - có mới mua

được thôi. Muốn cho mỗi người tiện tra-xem, một vài nhà-thờ thường dùng dây xích buộc bộ Kinh-Thánh khổng-lồ vào cột nhà. Hằng ngày, từ sáng tới chiều, đủ các hạng người đến đứng trước tủ dựa nơi cột nhà để đỡ bộ Kinh-Thánh và đọc kính-cần lắm.

Ngày nay, Kinh-Thánh không bị xiềng-xích nữa. Nhờ sự tấn-bộ của nghề in hoạt-bản và lòng rộng-rãi của các tín-dồ Tin-Lành, người nào cũng có thể mua Kinh-Thánh rất rẻ. Có xuất-bản riêng Kinh Tân-Uớc, sách Tin-Lành và từng cuốn một bộ Kinh-Thánh, để mỗi người có thể mua mà đọc. Ngồi một thế-kỷ nay



Mục-sư R. Saillens

người ta dịch Kinh-Thánh ra 7, 8 trăm thứ tiếng. Mỗi năm bán được chừng 30 triệu bộ. Kinh-Thánh là sách thứ nhứt được in bằng máy của *Gutenberg*, độ năm 1.450 sau Chúa, và được dịch ra thổ-âm (xưa nay chưa ai từng biết) của những dân-tộc dã-man ở Phi-châu. Kinh-Thánh chiếm được địa-vị có một không hai trong rừng văn-chương thế-giới; thật là một phép lạ không kém gì địa-vị độc-nhứt vô-song của Đức Chúa Jêsu trong lịch-sử vạn-quốc.

Đức Chúa Jêsu ở Na-xa-rét, Ngôi-Lời trở nên xác-thịt, làm thợ mộc, rất ~~hèn-hạ~~ ^{hèn}hạ, nói một tiếng hạ-giới bất-
toàn, da ở thế-giới cũng như ở thiên-
thượng, và vô-ngộ cũng như chính
Đức Chúa Trời vậy. Ta giải nghĩa
được thực-sự về Người và Trời hòa-
hiệp nhau trong một Ngôi-vị chẳng?
Lý-tánh không giải nghĩa được; song
vấn-đề này chính là một khoản thiết-
yếu của đức-tin ta.

Một Đấng vô-ngộ từ thiên-thượng đến ở trần-gian ba mươi ba năm, nếu không để lại một dấu-tích rõ-ràng nào, thì ta khó công-nhận Đấng ấy được. Sao vậy? Trước khi và sau khi Đức Chúa Jêsus giảng-thế, ta lại không thấy một lời do loài người và do Đức Chúa Trời sao? Đều này dường như bất-năng. Song, trước khi Đức Chúa Jêsus giảng-thế, có lời các đấng tiên-tri rất chắc-chắn; chính Ngài cũng chứng thực những lời đó. Suốt đời, Ngài rất chú-trọng sự làm ứng-nghiem những lời tiên-tri ấy, và đã làm ứng-nghiem không sai một nét, một chấm nào. Sau khi Đức Chúa Jêsus giảng-thế, có lời của các sứ-dồ và của những người được thấy Ngài sống lại. Lời ấy do Đức Chúa Trời soi-dẫn theo như Ngài đã hứa. Nếu ta nghi-ngờ lời đó, thì cũng phải nghi-ngờ chính Đấng Christ nữa. Ngày nay chúng ta có lời của các tiên-tri và các sứ-dồ, tức là bộ Kinh-Thánh Tân Cựu-Uớc. Kinh-Thánh là sự khải-thị hoàn-toàn, không thể nào thêm bớt được. Nay ta thật

đã có lời Kinh-Thánh vô-ngộ đến từ
thiên-thượng, chớ không do ý riêng
của Hội-Thánh, Hội-đồng hoặc phẩm-
trật nào hết.

Có nhà bình-phẩm Kinh-Thánh hỏi rằng : «Nếu Kinh-Thánh là vô-ngộ, sao có những chỗ ký-sự tương-phản?» Xin đáp : Những sự tương-phản ấy không rõ-rệt, xác-nhiên. Vì nếu Đức Chúa Trời đã soi sáng trí-khôn cho những trước-giả thánh biết được giáo-lý, thì lẽ nào Ngài không soi sáng cái khiêu nhơ của họ, là một bần-năng cần-thiết nhưng thấp hơn trí-khôn, mà lại để cho họ phải sai-lầm ?

Vả, những kẻ đồng-thời với Đấng Christ có thể thấy nhơn-phẩm của Ngài và một vài kỳ-sự trong đời Ngài có những chỗ tương-phản dường như khó giải-quyết; nhưng Chúa cố-ý gây nên như vậy để thử đức-tin của những tín-đồ chơn-thật. Tỉ như Đức Chúa Jêsus sanh tại Bết-lê-hem mà các sách Tin-Lành lại xưng Ngài là Jêsus ở Na-xa-rét. Tại sao vừa ở Bết-lê-hem (như lời tiên-tri đã chép trong Kinh-Thánh), vừa ở Na-xa-rét? Đó là điều mà Nathana-ên, «người Y-sơ-ra-ên thật, trong người không có điều dối-trá chi hết» (Gi. 1 : 47), không hiểu được. Nhưng khi đứng trước thần-tánh của Jêsus, thì người kêu lên rằng: «Lạy Thầy, Thầy là Con Đức Chúa Trời, Thầy là Vua dân Y-sơ-ra-ên» (Gi. 1 : 49). Lâu mãi về sau, ông mới hiểu thấu lẽ mầu-nhiệm đó.

Đối với Áp-ra-ham cũng vậy, những lời của Đức Chúa Trời dường như tương-phản, nhưng người cứ dắt Y-sác, con trai mình, đến chỗ phải dâng tế-lễ (Sáng 22:)! Chính Đức Chúa Trời phán cùng người rằng: «Y-sác, con trai người, sẽ thành một dân lớn...» Rồi Ngài lại truyền cho người phải trói con trai mình, đem giết đi để dâng làm của-lễ cho Ngài. Lời hứa kia với mạng-linh này có tương-hiệp không? Áp-ra-ham không cần lo về điều đó. Dầu thấy quanh mình tối-tăm, người

cũng cứ bước đi, vì chắc rằng Đức Chúa Trời thấy đường và dắt-dẫn người. Bởi đức-tin lớn-mạnh, người đoán trước được sự sống lại.

Chúng ta thấy trong các truyện-tích Kinh-Thánh, Chúa thường đối-đãi tín-đồ theo phương-lược ấy. Nhiều khi chúng ta cũng thấy Chúa dùng cái phương-lược ấy mà đối-đãi mình. Những đường-lối Chúa thật sâu-nhiệm và lắm lúc dường như tương-phản; nhưng đối với lời Chúa phán, thì tín-đồ không cần hiểu rõ rồi mới tin và vâng theo. Họ tin rằng Đức Chúa Trời không hề sai-lầm và nói dối, nên biết trước lời đó sẽ được giải-tỏ rõ-ràng nhằm giờ Chúa đã định sẵn.

Chúa thường cho các trước-giã thánh được ít nhiều tự-do đương khi biên-tập... Nhưng sự tự-do ấy không khi nào khiến họ lầm-lạc; nếu quả có lẽ sai-lầm trong Kinh-Thánh, thì chính Đấng Christ đã báo trước cho chúng ta biết, hòng giúp chúng ta tránh khỏi sự nguy-hiểm, là mê-tin Kinh-Thánh. Trái lại, Chúa dường như đứng làm nhà xuất-bản chịu hoàn-toàn trách-nhiệm của bộ Kinh Cựu-Uớc vậy. Không có một cuốn nào trong Cựu-Uớc mà Chúa không nói đến. Ngài ngụ-ý nói đến phép hôn-phối của hai ông bà thủy-tổ loài người. Ngài dường như đã phê-bình và duyệt-y những truyện-tích Kinh-Thánh về cuộc tạo-thiên lập-địa, nạn hồng-thủy hủy-diệt, lửa trời đốt-phá thành Sô-dôm, Gô-mô-rơ, vợ Lót biến thành cột muối, và sau hết về phép lạ thường bị công-kích hơn hết, là tiên-tri Giô-na ở trong bụng cá ba ngày đêm. Cả bộ Kinh-Thánh ở trong tay Ngài, và được Ngài phê-chuẩn hoặc bởi phán-đạy, hoặc bởi làm thình. Nếu trong sách này có sự sai-lầm nào, thì chúng ta chỉ trách-cứ ở nơi Đấng Christ mà thôi. Bằng vậy, sao còn gọi Ngài là vô-ngộ được? Nhưng ta phải hiểu rằng nếu Ngài có thể sai-lầm quá-đáng về những việc dĩ-vãng như vậy, cơ sao ta còn dám lập

đức-tin trên những lời hứa của Ngài về cuộc tương-lai? Vì vậy, chúng ta không thể nào hồ-nghi rằng Ngài đã sai-lầm.

Sự nguy-hiểm hơn hết mà ngày nay Kinh-Thánh phải gặp, ấy chẳng phải là sợ bị những tay hung-bạo thiêu-hủy như đời xưa, hoặc bị xiềng-xích không phổ-biến ra được. Song Kinh-Thánh chỉ sợ một điều, là sẽ trở nên cuốn sách cũ-rích, vô-dụng, và phải được đảm-bảo bởi Lý-tánh, Khoa-học và Lương-tâm cá-nhơn, nghĩa là phải phục-sự tánh kiêu-ngạo của loài người đã biểu-lộ ra bằng ba danh-từ to-tướng kia vẫn nổi lên chống-ngịch chính Đức Chúa Trời và chơn-lý do Ngài khải-thị.

Còn một sự nguy-hiểm nữa, ấy là những kiện-tướng tự-nhiên bảo-thủ Kinh-Thánh (tức những con-cái của cuộc Cải-chánh) sẽ thôi công-nhận rằng Kinh-Thánh do Đức Chúa Trời soi-dẫn và có quyền cao-cả. Nào những vậy thôi, cũng có Giáo-hội không cho tín-đồ đọc Kinh-Thánh để dễ dụ họ vào vòng dị-đoan, giả-dối, lầm-lạc. Giáo-hội ấy trọng những lời truyền-khẩu mơ-hồ và những lời độc-đoán vô-lý của loài người hơn Lời chơn-thật, hằng sống và bền-vững của Đức Chúa Trời.

Dẫu vậy, Kinh-Thánh cũng chẳng trải qua sự nguy-hiểm nào. Dẫu nhiều trường Cao-đẳng Thần-học xé bỏ Kinh-Thánh, song cũng còn vô-số gia-đình hèn-bạ yên-tĩnh giữ lấy và hằng ngày suy-gẫm, ngâm đọc; những gia-đình đó là nơi Kinh-Thánh nương mình. Cảm ơn Chúa, ngày nay ta vẫn thấy hiển-hiện sức phản-động hạnh-phước ấy. Đáng mừng thay!

Phỏng như Hội-Thánh bên Âu-Mỹ không yêu-quí Kinh-Thánh nữa, thì những dân-tộc ở Phi-châu, Á-châu sẽ rất hoan-ngình sách đó, và bởi ân-diễn của Đức Chúa Trời, họ sẽ văn-minh bậc nhứt. Ấy sẽ không phải là lần đầu Lời Đức Chúa Trời chinh-phục được những dân-tộc thấp-kém đâu. —*Mục-sư Dương-nhữ-Tiếp dịch-thuật.*



BẮC-KỲ

Ô Cầu-giấy.—Trong hai năm chúng tôi được Chúa kêu-gọi đến đây hầu việc Ngài, dầu gặp sự khó, nhưng Chúa vẫn ban cho nhiều phước. Khi nhóm lại, có nhạc-khí, như đờn và kèn, để ngợi-khen Chúa. Cũng có rất đông người ngoại đến nghe giảng và kê-cứu đạo.

Nhờ phước của Chúa cấp theo lời giảng, nên đã được ngót 30 linh-hồn trở lại cùng Chúa. Trong số ấy mới có hai người chịu phép báp-têm. Trong số chưa chịu phép báp-têm, có ông bà Tuynh khi xưa phạm nhiều tội-lỗi lắm, ông thì rượu chè, trai gái, cờ-bạc, lừa-đảo, bà thì ăn trầu. Hai ông bà đến nghe giảng có hai tối thì được Chúa cảm-động, biết bỏ mọi tội kia mà trở lại cùng Chúa, và cũng đã mua Kinh-Thánh. Sau khi chữa-bỏ được tội-lỗi, ông bà ngợi-khen Chúa, và biết Chúa là Đấng có quyền. Cảm ơn Chúa.

Xin quý ông bà cứ cầu-nguyện cho những người này được sốt-sắng trong Chúa, để Hội-Thánh Ngài mau thành-lập. Cảm ơn!—*Nguyễn-thiện-Tùng*.

Hòa-bình.—Ông Mục-sư Jean Funé hầu việc Chúa ở đây đã xuống tàu về Mỹ và Pháp nghỉ từ 16 Juillet 1934. Còn vợ chồng tôi được Chúa sai đến đây hầu việc Ngài từ 20 Mai 1933, tuy nước độc rừng thiêng, nhưng nhờ Chúa bao-phủ, vẫn được bình-an như thường.

Nhờ Chúa ban ơn, đã được 20 người Mừng cầu-nguyện trở lại với Chúa. Họ ở cách tỉnh-ly Hòa-bình độ 25 cây số, không có đường cái, chỉ có đường rừng hiểm-trở lắm. Cũng có nhiều xóm khác muốn trở lại với Chúa, nhưng chưa hiểu rõ đạo, nên chúng tôi chưa dám cầu-nguyện cho họ.

Có đều rất lạ, là Chúa đã cứu một tin-đồ ở xóm Trạo. Số là châu Lương có 9 người tin Chúa, và bỏ hết các thói-tục xấu. Một kẻ kia hết sức ghen-ghét họ, sai người bỏ thuốc độc cho một tin-đồ tên là Bùi-văn-Nầy. Ăn xong, bụng

chướng to lên, mặt-mày xám ngắt, và thổ huyết. Người ngoại-đạo đều cho là chết, không phương-pháp nào cứu-chữa được. Nhưng anh em tin-đồ hết lòng nhờ-cậy Chúa, vừa cầu-xin Chúa chữa cho, vừa chạy thuốc-thang một ít, thì người ấy lần lần khỏi, hiện nay được lành-mạnh như thường. Thật cảm ơn Chúa lắm; đương ở chỗ chết nhưng hết lòng nhờ-cậy Ngài, thì được sống! A-lê-lu-gia! A-men! —*Nguyễn-văn-Khúc*.

Ninh-bình.—Bồn-hội mở cuộc phục-hưng từ 24 đến 28 Juin, và mời ông Mục-sư W. A. Pruett, thầy Nguyễn-văn-Thìn, và thầy Lư-văn-Kỵ đến giảng. Ban ngày ba ông nhờ quyền-năng của Chúa mà bồi-bổ đời thiêng-liêng cho các tin-đồ. Tối thì giảng cho người ngoại-đạo, mỗi buổi có chừng 150 thính-giả. Kết-quả được 2 người trở lại cùng Chúa. Nhón dịp, ông Mục-sư Pruett có làm phép báp-têm cho 3 anh chị. A-lê-lu-gia!

Bồn-hội ước-ao mua được một miếng đất để sau này cất nhà giảng, nhưng còn thiếu-thốn lắm. Xin quý ông bà khẩn-cầu Chúa cho bồn-hội được như sở-nguyện. Xin hết lòng cảm ơn trước. —*Thơ-ký: Đào-thiện-Mưu*.

TRUNG-KỲ

Phan-thiết.—Từ ngày ông Mục-sư Kiều-công-Thảo đến hầu việc Chúa ở bồn-hội, thì công-việc Chúa tấn-bộ nhiều. Tin-đồ được dức-dấy đời thiêng-liêng, người ngoại được hiểu rõ đạo cứu-rỗi, những miền xa-lạ được nghe giảng Tin-Lành, và những người được cứu thêm vào Hội-Thánh. Cảm ơn Chúa!

Nay Chúa sai ông Mục-sư Ông-văn-Trung đến thay ông Mục-sư Kiều-công-Thảo đi Hội khác. Ngày 21 Juillet, bồn-hội làm lễ nghinh-tiếp và tiên-hành hai quý Mục-sư. Chúng tôi có lời trân-trọng cảm ơn ông Mục-sư cũ đã hết lòng hiệp-tác với bồn-hội mà hầu việc Chúa hơn một năm nay. Cũng xin thành-thực hoan-nghinh ông Mục-sư mới, nguyện

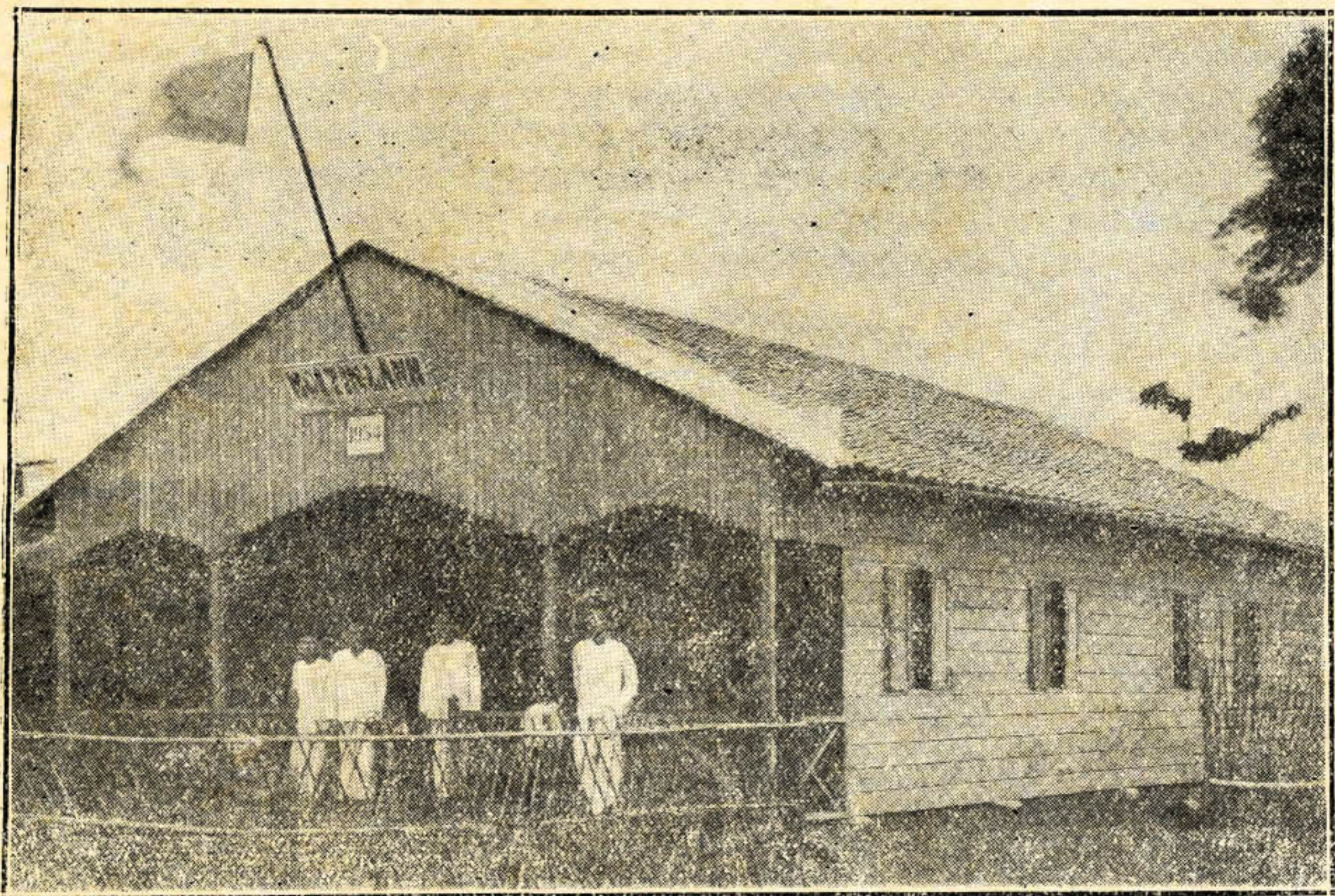
Chúa ban cho ông đủ ơn để làm trọn trọng-trách Chúa giao, và chia ngọt xẻ bùi cùng bôn-hội! A-men!

Xin quí ông bà nhớ cầu-nguyện cho bôn-hội được phước Chúa càng thêm, và có nhiều người ngoại trở về cùng Chúa, bôn-hội rất cảm ơn.—*Ban Trị-sự*.

Phan-ri.—Tôi được Chúa sai đến đây hầu việc Ngài hơn một năm. Tôi đau nặng, song nhờ Chúa chữa cho được lành. Còn phần tài-chánh thì thiếu-thốn,

đêm, (22-24 Juin), và mời ông bà E. F. Irwin, cùng các ông Bùi-tự-Do, Phan-văn-Hiệu, Nguyễn-văn-Còn, Nguyễn-văn-Sáng, Nguyễn-văn-Trình, Nguyễn-văn-Huân đến giảng. Anh em tin-đồ được bồi-bổ đời thiêng-liêng. Người ngoại-đạo đến nhóm chặt ních nhà giảng, kết-quả được 6 linh-hồn trở lại cùng Chúa. Chi-phí các khoản hết 22\$20. Nhon dịp, có làm hai phép cưới, và dâng hai em nhỏ cho Chúa.

Bây giờ thầy cô Thịnh đã từ-giã Hôi-



Nhà giảng của chi-hội Gò-công, Nam-kỳ.

song Chúa đã mở lòng ban Trị-sự Hội Phan-thiết dâng một cái bàn giảng, ba cái ghế dài, và mười cái ghế sắt. Rất cảm ơn Chúa! Tôi xin thay mặt Hội Phan-ri mà cảm ơn quí ông bà đã có lòng từ-thiện.

Độ này sắp mở cửa giảng đạo, xin quí ông bà yêu-dấu trong Chúa nhớ cầu-nguyện cho tôi đủ ơn Chúa để hầu việc Ngài. Cảm ơn!—*Nguyễn-Ứng*.

NAM-KỠ

Gò-công.—Tạ ơn Chúa, thầy cô Huỳnh-văn-Thịnh đến đây hầu việc Ngài trong hai năm rưỡi, đã được kết-quả rất tốt-đẹp. Dầu gặp thời-kỳ túng-thiếu, bôn-hội đã xây-dựng được hai đền thánh cho Chúa; trong số đó, nhà giảng ở Gò-công cũng đã hoàn-thành, phí-tồn hết 650\$00, chúng tôi còn thiếu 50\$00 mà thôi.

Chúng tôi có mở cuộc Phục-hưng 3 ngày

Thánh, trở về trường Thần-đạo, chúng tôi cầu Chúa ban ơn-phước dư-dật cho thầy cô luôn.—*Thay mặt ban Trị-sự: Tư-hóa Trần-văn-Hồ*.

Ai-tín.—Trung-tuần tháng Juin, vợ ông chấp-sự Lự đã từ-giã thế-gian mà về yên-nghỉ trong nước Chúa. Hội-Thánh Ô-môn nhóm tại nhà ông đông-đảo, làm lễ đưa xác bà cách long-trọng. Chúng tôi xin chia buồn với tang-quyển, và nguyện Đức Chúa Trời yên-ủi lòng ông cùng các con.—*Lê-văn-Cung*.

Xe «Tin-Lành».—Từ 6 đến 10 Aoút 1934, xe «Tin-Lành» làm công-việc Chúa tại hạt Thủ-dầu-một. Dầu bấy giờ trời mưa gió nhiều, song xe cũng chạy đến mấy chỗ, như là: Chợ Tân-khánh, Bến-cát, và Chánh-lưu.

Chúng tôi là: Hiệu, Thông, Hằng, Do,

Sáng, Trinh, Nghĩa, Huân, và Thọ, đồng ngợi-khen Chúa vì xe «Tin-Lành» đi đến nơi nào, các quan cai-trị cũng đều ưng-thuận, và mọi con mắt đều hoan-nghinh công-việc của Chúa làm bởi xe «Tin-Lành.» Nguyên Chúa cho hột giống xe «Tin-Lành» gieo ra được mọc lên, và kết quả mỹ-mãn! A-men!—*Bùi-tự-Do.*

Phong - điền.—Hội-Thánh chúng tôi nghèo-túng, lại gặp hồi kinh-tế quẩn-bách, vậy mà cũng muốn lo cất nhà giảng bằng ngói. Thật là một công-việc quá sức chúng tôi, song chúng tôi cứ nhờ sức Chúa, bước đi trong đức-tin và trong lời cầu-nguyện. Kể của, người công, đồng tâm, hiệp ý, chúng tôi đã khởi-sự rồi.

Chúa bèn thúc-giục ông Phạm-quang-Nghiêm, Tư-hóa địa-hạt, giúp chúng tôi một súc cây dầu giá đáng hơn 100\$00, một thùng dầu mỗi, và năm đồng bạc; ông Điền, Tư-hóa chi-hội Hỏa-lựu, giúp 1\$00. Cũng có bốn ông dầu chưa tin Chúa, song cũng chịu cảm-động mà giúp-đỡ chúng tôi: Thầy Cai Tạ-quang-Mậu, ở tổng Định-bảo, dâng một bộ cột trâm đáng giá trên 50\$00; ông Hội-đồng Trần-công-Khanh, ở làng Nhơn-ái, dâng 20\$00 công thợ; ông Hội-đồng Sự, ở làng Trường-long, dâng một cây dầu giá đáng 20\$00; ông Hương-chủ Tảo, cũng ở làng Trường-long, dâng 1\$00. Ơn Chúa đổ cho, chúng tôi không thể nào tả xiết.

Xin quý anh chị cầu-nguyện cho chúng tôi làm xong trọng-trách.—*Ban Trị-sự.*

Tân-an.—Bấy lâu cũng có người cầu-nguyện theo Chúa, song họ ở xa đến 25 cây số, nên ít đi nhóm được. Vậy, xin quý ông bà cầu-nguyện cho công-việc Chúa ở đây được tấn-bộ thêm, và cho có thể mở Hội-Thánh ở Thuận-mỹ, cách đây 25 cây số. Đa-tạ!—*Trần-như-Hối.*

Tiểu-ban san-nhuận.—Ban Trị-sự Mỹ-Nam đã cử các ông Lê-dinh-Tươi, Phan-đình-Liệu, và Bùi-tự-Do làm tiểu-ban sửa-đổi quyền «Tịch-tà qui-chánh» cũ, lấy nhan-đề mới: «Minh-biện tả chánh». Vậy xin anh em trong Chúa, ai có ý-kiến nào rất tốt, hiệp đạo Chúa, có thể giúp sửa-đổi sách ấy, thì xin viết thư ngỏ ý cho chúng tôi. Đa-tạ!—*Thay mặt Tiểu-ban: Lê-dinh-Tươi.*

Đổi chỗ.—Ai thông-tin với ông Bùi-tự-Do, xin gửi thư đến Cầu-thơ.—*T. S.*

Vĩnh-long.—Vợ chồng tôi đã vâng mạng-lệnh Chúa đến đây hầu việc Ngài kể từ ngày 1^{er} Septembre 1934. Xin các ông bà cầu-nguyện cho chúng tôi được ơn trong sự hầu việc Ngài. Quý ông bà nào gửi thư cho tôi, xin đề: Lê-dinh-Tươi, Hội-trưởng Tổng-liên-hội, Mục-sư Hội Tin-Lành Vĩnh-long, Nam-kỳ.

CAO-MÊN

Kampot.—Dầu chưa có nhà giảng, nhưng thầy Đặng-văn-Lương và tôi mượn chung một căn lầu, và mời ông Mục-sư Peterson, ở Kompong Trach, mời Chúa-nhật đến nhóm anh em lại mà dạy Kinh-Thánh. Đức Thánh-Linh ở cùng và ban ơn cho ông, nên có 33 người ăn-năn tin theo Chúa. Mời nhóm hai lần mà tiền dâng được 1\$14. A-lê-lu-gia!

Xin các anh chị cầu-nguyện cho được phép giảng đạo tại đây.—*Nguyễn-an-Cư.*



Bồn-báo khải-sự.—Bồn-báo bắt-đắc dĩ phải hoãn vài tin-tức đến số báo sau vì thiếu chỗ. Xin anh em gửi bài lượng xét cho. Đa-tạ!

Chi-hội nào gửi ảnh để in vào Thánh-Kinh Báo, thì xin gửi **tấm thật rõ** cho tiện làm cliché.—*T. K. B.*



NGƯỜI GIU-ĐA VỚI NGƯỜI A-RÁP

Từ khi nước Anh chủ-trương xứ Pha-lê-tin, thì số dân A-ráp tăng nhiều ở các địa-hạt có nhiều người Giu-đa định-cư, và tăng ít ở miền có ít hoặc không có người Giu-đa sanh-hoạt quần-tụ.

Nếu so-sánh sự tu-bộ năm 1931 với sự tu-bộ năm 1922, thì ta thấy số người A-ráp ở thành Giê-ru-sa-lem tăng 40 phần trăm, ở thành Gia-pha tăng 60 phần trăm, và ở thành Hải-pha tăng đến 80 phần trăm. Còn ở thành Naplouse thì chỉ tăng 9 phần trăm, và ở thành Hép-rôn 8 phần trăm, vì hai nơi ấy có rất ít người Giu-đa. Còn ở thành Ga-xa không có người

Giu-đa, thì số người A-ráp sụt bớt đi. Số người A-ráp ngụ ở ba thành trên kia tăng nhiều như thế nhứt là tại họ từ các địa-hạt khác của xứ Pha-lê-tin hoặc từ các nước tiếp-cận đời đến, vì ước-ao được hưởng quyền-lợi kinh-tế do người Giu-đa gây nên. Phong-trào này làm chứng chắc rằng người A-ráp được lợi vì có người Giu-đa định-cư ở xứ Pha-lê-tin, và nhưn đó họ không thể vịn một lẽ nghiêm-trọng nào mà than-phiền người Giu-đa. Còn ở thành Na-xa-rét, thì sự tu-bộ tỏ ra từ năm 1922 đến năm 1931, số dân Giu-đa tăng từ 53 lên 79 người, số môn-đồ Đấng Christ và môn-đồ *Mahomet* tăng từ 7.424 lên 8.756 người.

Còn một việc hệ-trọng nữa: Trước cuộc Âu-chiến (1914-1918), tình-hình kinh-tế khốn-quần khiến cho người A-ráp phải lìa xứ Pha-lê-tin mà đi ở nước ngoài không ngớt. Nhưng bây giờ phong-trào ấy dứt rồi. Trái lại, như trên kia đã nói, người A-ráp cứ đều mực từ xứ *Irak*, xứ *Syrie*, xứ *Transjordanie* và các địa-hạt tiếp-cận kéo về xứ Pha-lê-tin. Ấy vì họ bị «hút» bởi nền kinh-tế thịnh-vượng do công-việc và tư-bồn của người Giu-đa. Mới vài năm nay mà đã có tới mấy ngàn người A-ráp làm việc trong các đồn-diên của người Giu-đa, và nhiều khi người A-ráp làm việc đông hơn người Giu-đa. Nhưn đó, số người A-ráp tăng lên.

Có kẻ tính rằng từ hồi Âu-chiến, người Giu-đa đem về xứ Pha-lê-tin chừng 450 triệu bạc Đông-dương. Chắc một phần lớn trong số đó lọt vào túi người A-ráp. Người Giu-đa phải tậu đất của người A-ráp, vì chánh-phủ không cho họ một thước vuông nào; họ thuê nhà ở và xởng thợ, lại mua nhiều rau và sữa của các trại người A-ráp.

Cũng cần nhắc về Hội-nghị của người Giu-đa đã nhiều phen quả-quyết rằng họ rất ước-ao được sanh-hoạt thân-thiện với người A-ráp ở xứ Pha-lê-tin. Nhưng, tiếc thay, chẳng có một đại-biểu nào của người A-ráp tuyên-bố như thế! Nhưng nếu lời tuyên-bố ấy thật có và sẽ nhờ quyền ủy-nhiệm của người Anh mà được thành-tựu, thì ta có thể tin quyết rằng mười năm tới đây, xứ Pha-lê-tin sẽ tấn-bộ hơn mười năm vừa rồi nhiều lắm. — *Time and Tide*.

TIN DẬY BIỂN NGOÀI

TRƯỜNG NÀO CŨNG ĐỌC TÂN-ƯỚC

«Hết thầy giáo-sư phải đọc Tân-Uớc, phải cắt nghĩa Sách ấy cho con trẻ hiểu, và phải bắt chúng học thuộc lòng những đoạn hay của Sách ấy. Đừng có tho-viện của nhà trường nào làm mất Sách ấy, vì trải qua mọi thời-đại, Sách ấy vẫn mới-mẻ luôn. Sách ấy lạ-lùng và cần-yếu hơn hết vì do Đức Chúa Trời mà ra.

«Chánh-phủ muốn nhờ Tân-Uớc mà dắt-dẫn con trẻ trở lại tìm đường chắc-chắn đem tổ-quốc lên địa-vị hùng-cường đích-thực hơn hết. Chánh-phủ cũng muốn nhờ con trẻ mà dắt-dẫn tâm-hồn dân Ý đi theo mục-dịch ấy.»

Bởi quyền-lực của *Mussolini*, chánh-phủ Phát-xít hiện-thời của nước Ý đã gởi thông-lệnh trên đây cho mọi viên thanh-tra các trường học trong nước. — *Sunday School Times*.

SÁCH LẠ-LÙNG THAY!

Từ khi phát-minh nghề ấn-loát nhằm thế-kỷ thứ 15 tới nay, người ta đã in và phát-hành gần 882 triệu bộ Kinh-Thánh. Hàng năm Thánh-thơ Công-hội nước Mỹ phải lo xuất-bản Kinh-Thánh bằng 715 thứ tiếng. Cả bộ Kinh-Thánh đã dịch ra 175 thứ tiếng; còn các sách rút trong Kinh-Thánh thì dịch ra 765 thứ tiếng hoặc thổ-âm. — *The Alliance Weekly*.

CHÍN ĐỜI LÀM MỤC-SƯ TRONG MỘT CHI-HỘI

Năm 1582, nghĩa là 352 năm về trước, ông Mục-sư *Neuerling* được cử đến chi-hội *Kristala*, ở miền *Smaland*, nước Thụy-điền (*Suède*). Từ đó đến tận bây giờ, gia-tộc ấy vẫn cứ cha truyền con nối thi-hành chức-vụ trong chi-hội *Kristala*. Ông mục-sư hiện đương hành chức ở đó là cháu chín đời ông *Neuerling*.

Trước mặt Đức Chúa Trời, gia-tộc này thật có phước vô-cùng, vì gần mười đời vẫn dâng con-cháu vào làm việc trong một góc của vườn nho Ngài. — *Deutsches Pfarrerblatt*.



Lính giỏi mở đường

Lịch-sử các nhà truyền-giáo trú-danh



JONH GIBSON PATON

CHƯƠNG THỨ HAI

CHẾT HỤT TRONG BIỂN!

TANNA, là một cù-lao nhỏ-hẹp và xấu-xa nhứt của Tử-vong Quần-đảo (*Iles de la Mort*). Cư-dân hay nói dối, trộm-cướp, giết người,... ăn thịt người. *John Paton* ở *Tanna*, vì đó là một nơi khó giảng đạo hơn hết. Ông cất một gian nhà nhỏ giữa vòng dân Cửa-biển; nhưng dân này đang đánh giặc với các bộ-lạc ở trung-bộ cù-lao. Con chiến-tranh này là cuộc lưu-huyết tàn-bạo, vì kẻ đắc-thắng ăn thịt tù-binh cùng thầy chết! Thần Chết đứng trong mỗi xó tối mà rình-rập nhà truyền-giáo.

Một ngày kia, có người đem đến cho ông bức thư của hai vợ chồng nhà truyền-giáo vẫn hầu việc Chúa ở bên kia cù-lao. Họ đau-ốm và đói gần chết. Nếu ông *Paton* có thể cho họ một ít bột, thì họ cảm-kích vô-cùng.

Paton không lưỡng-lự. Ông biết ông bà *Mathieson*, là người sốt-sắng, đang chịu đói-kém thế nào. Họ sống hay chết là bởi lương-thực thiếu hay đủ.

Ông hỏi một vài giáo-hữu ở Cửa-biển rằng:

—Ai bằng lòng đi với tôi?

—Ồ, thưa mục-sư, chúng tôi không đi với mục-sư được. Ừ, đi qua cù-lao à? Chắc chết mất!

—Song, anh em ơi, chúng ta sẽ do đường biển đi vòng quanh cù-lao mà.

—Thưa mục-sư, sóng cao, gió cả. Chúng tôi không muốn chết.

Dẫu vậy, sau-rốt, có hai người bằng lòng đi. *John Paton* đổ đầy bột vào cái hũ có nắp đậy kín, rồi chở chiếc thuyền độc-mộc mà đi. Dẫu sóng xô-

động, nhưng tay chèo cứng, nên con thuyền chạy mau. Chỉ một mình ông không biết bơi. Mỗi khi gió thổi, mỗi lúc bị nước tấp ướt khắp mình-mẩy, ông lại cầu-nguyện Đức Chúa Trời giữ mình khỏi chết. Còn ba cây số nữa tới nơi, hai bạn chèo nhứt-dịnh lên bờ đi bộ, vì miền duyên-hải này là địa-phận của một bộ-lạc thân-thiện; vả chăng biển đã nổi sóng đến nỗi ngồi thuyền mà mạo-hiểm đi xa hơn nữa, thật chẳng khôn-ngoa.

Nhưng lên bờ thế nào? Giữa hành-khách và đất liền, kia, ngọn sóng cao ngất vô âm-âm, nhà mạo-hiểm táo gan hơn hết há chẳng ngại vượt qua? Nhưng dẫu sao, cũng phải ghé vào bờ chớ. Thình-lình thấy ngọn sóng thấp hơn đôi chút vô vào bãi biển, một tay chèo bèn nói lớn:

—Thưa mục-sư, hãy vững lòng, ta sẽ để sóng đưa mình vào bờ.

Các mái chèo cùng rẽ nước một lượt, và kia, mau như tên, chiếc thuyền độc-mộc bay trên ngọn sóng. Việc phải xảy ra đã xảy ra rồi. Sóng đánh vào dây dợ ngăm có san-hô, thuyền chòng-chành rồi lật úp. Các bạn chèo hết sức bơi vài sải tới bờ. Nhưng tội-nghiệp, *Paton* vẫn níu lấy hũ bột và chiếc thuyền nửa chìm!... Một bạn chèo lại xông-pha ngọn sóng đến cứu ông. Hấn can-dảm nắm lấy cổ ông, chính lúc một làn sóng cả gần cuốn ông đi; đoạn, hai người vào tới bờ, bình-yên vô-sự. Sau lúc đó một chút, bạn chèo kia rẽ làn nước gợn tằm mà bình-tĩnh lên bờ, đầu đội cái hũ quý-

báu. Chẳng có giọt nước nào lọt vào hũ, nên bột vẫn nguyên-lành.

Khi thấy bạn, ông bà *Mathieson* vui vẻ và cảm-kích biết bao! Trời đã về chiều, vầng thái-dương gần lặn. Họ nài-nỉ rằng:

—Xin mời ông nghỉ đêm ở đây!

Nhưng *Paton* nhứt-định về. Ông biết rằng nhơn dịp mình đi vắng, chắc thổ-dân sẽ đến cướp-phá giáo-đường. Dầu đã giao nhà cho một thầy giảng, là thổ-dân cù-lao tiếp-cận, nhưng ông không dám để thầy ở một mình đến hai ngày, e bị hãm đánh.

Ông tỏ ý cho các bạn chèo biết. Họ lớn tiếng đáp rằng:

—Ừa, thưa mục-sư, chắc ông không nên tính trở về tối nay. Ông coi, mặt trời đã lặn, sóng biển thét-gầm, và này, ta chẳng đi bộ qua cù-lao được.

—Dầu vậy, tôi định đi bộ trở về. Anh em biết rằng chẳng có ai trong bộ-lạc nào dám ra khỏi nhà ban đêm, vì sợ bóng tối. Vậy, tôi sẽ không gặp cơn nguy-hiểm ghê-gớm.

—Nhưng, thưa mục-sư, có khi họ đông người, bèn đi rình-mò suốt đêm. Ngày mai, khi các hung-thần trên đất và dưới biển đã nguôi giận, chúng tôi sẽ bơi thuyền độc-mộc trở về.

—Tốt lắm! Vậy, anh em cứ ở lại. Chúc anh em được may-mắn; tôi về.

Đoạn, *Paton* từ-giã vợ chồng nhà truyền-giáo và lui gót.

Trời đã tối mịt, trăng sao không có. Ông đi một mình với Đức Chúa Trời. Đang khi ông lần theo bờ biển hoặc đầu ghềnh, thì bốn bề yên-lặng, trừ ra tiếng sóng đập vào dốc đá. Lăn lăn gió thổi; chỉ còn nghe được tiếng nước chảy re-re nơi bãi cát. *Paton* thỉnh-linh dừng-lại. Ông mới chạy một chút, bây giờ dầu không thể thấy gì trong bóng tối-tăm mù-mịt, nhưng ông cảm-biết có người lần-quất quanh mình. Ông lắng tai nghe. Quả thật, ông nghe tiếng nói càng lâu càng gần. Ấy, một bọn thổ-dân đi câu cá. Ông lẳng-lặng lén vào sau bụi rậm và chờ cho mọi

sự được yên-ổn. Đoạn, ông cứ noi theo bờ biển. Chẳng mấy chốc, ông lại phải ngừng. Té ra có một ngọn núi đá mọc trên bờ biển, chặn mất đường-lối. Ông không thể đi vòng quanh, vì dưới chơn núi, nước sâu lắm. Chỉ có thể trèo lên tận đỉnh núi, rồi đi vào trong cù-lao.

Vậy, nhà truyền-giáo leo rất mệt-nhoc và chậm-chạp, phải bám vào rễ cây, nhánh nhỏ, đá lớn. Một lần, ông nắm phải cành khô; cành liền gãy. Thấy mình tuột xuống, tuột xuống, ông bèn tưởng hổng to. Không, ông nắm được một cành cây, nên không bị lăn ngã nữa. Ông lại leo lên và sau tới được đỉnh núi. Nghỉ vài phút, rồi đi rờ-rẫm dọc theo các ghềnh đá. Ông biết rằng muốn tránh các làng-xóm, ắt phải bò quanh vực sâu, là việc ông không thể làm ban ngày, vì thấy nơi thăm-thẳm đó, chắc ông chóng mặt. Một lần, có khe nứt chặn đường; ông phải đi vòng khe ấy. Bỗng chốc ông giựt mình, trái tim đập thiếu đều vỡ tan. Lại một bọn thổ-dân đang bước tới. Họ đi sát bên *Paton* đến nỗi ông có thể đụng-chạm họ. Dầu vậy, họ dạo qua, nói-năng hò-hét với nhau, và tiếng họ dùng đó thuộc về bộ-lạc dã-man trong đảo, tức là bộ-lạc thù-nghịch ghê-gớm hơn hết của ông!

Bấy giờ nhà truyền-giáo mới biết mình lạc đường. Nhưng nhờ đi gần bộ-lạc đó, ông thấy đường.

Ông dễ tìm lại được nẻo đến bờ vực sâu, nhưng khi tới nơi, thì không biết lối xuống bên kia dốc đá cao-lớn. Ông vừa kinh-khiếp, vừa đi rờ-rẫm, nhưng không thể tìm thấy đường. Ông mệt-nhoc, mòn-mỏi và nhứt là sợ vấp chơn vì trời tối, hoặc mất mạng vì từ đầu ghềnh té xuống. Vả, ông cũng thừa biết rằng nếu cứ dấn-dà đà-dặn cho tới rạn đông, ắt quân mọi-rợ sẽ không khỏi tìm thấy ông và giết chết.

Ông nhớ rằng một triền của dốc đá cao-lớn ấy bằng cát, từ từ chạy ra bãi biển; ông có thể do đó tuột xuống,

chẳng chút hiểm-nghèo. Nhưng ông đã tới chỗ đó chưa? Vả, ngọn thủy-triều lên hay xuống? Nếu nước triều lên, thì dưới chơn dốc đá nước sâu lắm; còn nếu nước triều xuống, ắt ông đi qua được. Muốn biết rõ, ông bèn lượm một hòn đá, liệng vào khoảng không, rồi áy-náy đợi-chờ, nhưng chẳng nghe nó rớt xuống. Chẳng có tiếng động chi xen vào cõi yên-lặng như tờ. Chắc quãng đường xa lắm. Ông liệng nhiều hòn đá khác, song vô-hiệu. Ông liền hết sức ném cái dù. Vẫn không nghe được một tiếng đụng-chạm nhỏ xíu nào hết!

Bấy giờ, *John Paton* hướng lòng về Đức Chúa Trời, quyết tin-cậy một mình Ngài. Trước hết ông thắt chặt vật áo dài quanh mình, bám vào cành cây ở trên vực sâu, rồi thỉnh-linh buông ra. Hai tay ruỗi ra đằng trước, hai chơn co lại, ông thấy mình rẽ vùng không-khí và rơi xuống, rơi xuống, rơi xuống! Đối với ông, mấy giây đồng hồ rơi xuống đó dường như một thế-kỷ. Ông chóng mặt, rồi bỗng-chốc thấy mình đã sa vào nước, hai chơn đụng cát dưới đáy. Ngọn thủy-triều xuống, ông được vô-sự. Bên cạnh ông có một vật cứng-rắn: Cái dù!

Chứa-chan lòng cảm-kích, *Paton* ngợi-khen Đức Chúa Trời. Đoạn, ông vào bờ và đi dễ-dàng hơn. Lúc rạng đông, ông gần đến nhà. Ông gặp mấy người bôn-xứ ngụ nơi Cửa-biển, xin họ đưa mình theo đường tắt về nhà giảng, hứa trả họ ít cần câu và lưỡi câu. Họ bằng lòng, rồi chẳng mấy lúc, nhà truyền-giáo đã ngó thấy túp lều của mình và nơi mình hầu việc Chúa.

Ông thuật cho bọn thổ-dân biết chuyện nửa đêm đi qua cù-lao, bên mình có các bộ-lạc thù-nghịch cùng những vực sâu không sao dò được, thật là quá đối hiểm-nghèo. Nghe vậy, họ ngạc-nhiên và nói to rằng:

—Thưa mục-sư, quả thật, Đức Chúa Trời ông đã che-chở ông. Nếu đứng trong địa-vị ông, chúng tôi chắc phải

bỏ mạng; nhưng ông được vô-sự. Ông có Ngài ở với mình, ắt chẳng gặp bước gian-nguy nào hết.

Phải, Đức Chúa Trời đã săn-sóc người linh trung-thành của Ngài, và sẽ thường thường săn-sóc nữa.

◇ ◇ ◇ ◇ CHƯƠNG THỨ BA

«AI ĐÓ? CỨU TÔI VỚI!»

Một chiếc tàu đẹp-đẽ phải rao-truyền Tin-Lành cho Tử-vong Quần-đảo, phải chạy từ cù-lao này tới cù-lao khác. Tàu ấy đem sức giục lòng cho các nhà truyền-giáo ở rải-rác trên bờ biển, cho mọi người làm việc phương xa, đang liệu mình chịu nào cơn nguy-hiểm, nào thủy-thổ không lành, các bộ-lạc mọi-rợ, nào vòng tối-tăm mù-mịt thiêng-liêng, để làm nên lúc rạng đông của đạo Tin-Lành. Tàu ấy phải chở các viên truyền-đạo mới cử luôn với lương-thực cần-yếu cho nhiều Hội, phải đưa các tội-tớ Chúa mắc bệnh, phải đem Kinh-Thánh, thơ thánh và sự vui-vẻ. Chắc là chiếc tàu Bắc-ai và Hi-vọng.

Các học-trò trường Chúa-nhứt xứ Úc-đại-lợi (*Australie*) phải cung-cấp cho chiếc tàu đó bởi cầu-nguyện và dâng năm ba xu. Nhưng ai sẽ đi nói cho họ biết công-việc phải làm? Ai sẽ lo giục lòng sốt-sắng của họ và khiến họ dự phần đến công-cuộc to-tát đường ấy?

Người ta giao việc này cho *Paton*. Nhưng xứ Úc-đại-lợi là một cõi lớn-rộng và cũng là một cõi chậm tấn-bộ trong lúc ấy. *Paton* mạo-hiểm lắm phen đề đi từ nơi này đến nơi kia mà nói về Tử-vong Quần-đảo.

Trời đông lạnh-lẽo; đường-lối lầy-lội, hầu chẳng còn ích-lợi gì. Không có chỗ nào khô-ráo mà đặt chơn, không có nẻo nào lát gạch để qua lại. Một bữa, *Paton* gặp một vấn-đề nghiêm-trọng: Làm thế nào để đi từ thành nhỏ này, là nơi mình mới giảng xong, tới một thành cách xa chín dặm, là nơi mình phải chủ-tọa ba cuộc thờ-phượng sáng mai?
(Còn tiếp)



DẠY NUÔI CON-CÁI

Hòa tim, xây-dựng gia-đình,
Răng long, dầu bạc, vẹn tình phu-thê.
Chúa ban con-cái dễ-huê,
Gánh thiêng nuôi-dạy, phải kề hai vai.
Dạy con tôn-kính Danh Ngài,
Hiếu cùng cha mẹ, yêu người bốn phương.
Lấy đời Cứu-Chúa làm gương,
Bụi trần chớ để vẩn-vương cõi lòng.

PHẢI dạy-nuôi con-cái thế nào?
Hãy xem-xét khi chúng còn thơ-dại; dầu chúng đẹp-đẽ tự-nhiên và ngộ-nghĩnh đáng ưa, song há chẳng gần như mọi-rợ, và có lúc không thể phân-biệt thiện, ác? Đức-dấy lương-tâm chúng, mở-mang nghị-lực chúng, đó là vấn-đề phải giải-quyết trước hết.

Vả, con trẻ chẳng biết thiện, ác, nên chẳng những đáng ưa-chuộng, song cũng cảm-giác mạnh-mẽ những mối vui, buồn. Nhà giáo-dục nên chuyên-tâm lợi-dụng những mối ấy trước hết, và nên chăm-chỉ dùng cách khuyên-giục, thưởng-phạt để khiến cho sự vui-thỏa cặp theo việc đáng làm, và sự buồn-bực cặp theo việc đáng tránh. Những cách đó không phải là ít đâu.

Hết bước thứ nhất, tới bước thứ hai. Phải làm sao cho đứa trẻ ngây-thơ kể việc có phép làm là đều thiện, và việc không có phép làm là đều ác. Do-dự hoặc cố-ý giơ tay lấy đồ-vật mình ham-muốn, đó là dấu-hiệu tỏ ra con trẻ chống-ngịch người lớn vẩn cầm trọn quyền trên nó. Bấy giờ người lớn chớ nhu-nhược, chớ tây-vị, nhưng phải dạy nó cầm-giữ sự xúc-dộng của bần-tánh nó, và làm trọn những công-việc bắt-buộc. Như vậy, con trẻ sẽ đứng vững, sẽ cầm-giữ mình, và rốt lại sẽ vừa mở-mang tài

phán-đoán, vừa nảy ra quan-niệm về sự lựa-chọn và sự hi-sinh; thiếu hai sự đó, thì không thể có phép giáo-dục nào hết.

Con trẻ có tánh hoạt-động. Nó cần đi lại, phấn-đấu và đắ-thắng. Hãy bày cho nó phương-pháp làm nảy-nở những sở-năng còn non-nớt của nó. Ta mở-mang trí-khôn nó bởi trả lời rõ-ràng và thật-thà vô-số câu nó hỏi: «Tại sao?» miễn là cuộc vấn-đáp đó không biến thành câu chuyện dông-dài, khờ-dại. Tôi quả-quyết rằng đối với vấn-đề này, gia-đình thuận-tiện hơn trường học biết bao, vì nhà trường đông con trẻ, nên thầy trò không thể trao-đổi những lẽ cần-ích.

Con trẻ ưa nghe truyện-tích; hãy kể cho nó nghe những truyện hay, nhất là các truyện đầy-dẫy trong Kinh-Thánh, nhờ đó nó dễ thấy được một ý dạy-dỗ về chơn-lý. Nó không hiểu hết cũng chẳng cần lắm; thế nào nó cũng nhớ mãi một vài điều sau này sẽ giúp ích cho nó. Phải dẫn-đưa trí tưởng-tượng bây giờ còn non-nớt, nhưng sau này sẽ đầy-đủ; phải diu-dắt linh-hồn non-nớt cho kịp thời quen-biết Đức Chúa Jê-sus, là Bản thiết của con trẻ.

Muốn nắm-đúc tấm lòng của con trẻ, thì chớ quên rằng ban đầu nó chỉ biết

có mình và thu võ-trụ vào cái quan-niệm mập-mờ mà duy-nhứt về ngôi-vị cùng những sự ham-hổ của nó. Vậy, nắn-đúc lòng nó tức là tỏ cho nó biết kẻ khác để đem nó ra khỏi ngôi-vị của nó. Cha mẹ phải tiếp-nhận công-việc của nó bởi thật tỏ lòng vui-vẻ hoặc buồn-rầu.

Trước mặt con-cái, chẳng ai có phép đóng vai tuồng Mẫu-thân, nghĩa là làm mẹ song không hết bổn-phận. Vì con chỉ nhờ mẹ mà học-tập từ-bỏ, hi-sinh và cương-ngự, tức là các đức-tánh cốt-yếu của linh-hồn. Trước mặt con-cái, chẳng ai có phép đóng vai tuồng Phụ-thân, nghĩa là làm cha song không hết bổn-phận. Vì con chỉ nhờ cha mà học-biết rằng cõi đời là một cuộc chiến-dấu dai-dẳng có hàng ngàn con vật đòi sao đời, những con đó vẫn dạy ta kính-sợ Đức Chúa Trời và tôn-trọng kẻ khác. Theo như đạo Tin-Lành, thì cuộc sanh-hoạt trong xã-hội phải lấy hai nguyên-tắc đó làm nền-tảng chơn-chánh.

Trong cuộc đào-luyện dai-dẳng và lạ-lùng này, cha mẹ thường bị cảm-đổ ngã lòng vì thấy công-lao của mình dường như vô-ích và không được con-cái hiểu thấu. Nhưng chớ thất-vọng; dẫu chậm-trễ tới mấy, song có gieo ất có gặt, miễn là mùa-màng không bị «nước lụt ngã lòng» làm cho hư-hại. Nếu cha mẹ hòa-thuận với nhau luôn và lấy tình yêu-thương vẫn thẳng tắn vị-kỷ mà đối với con-cái, nếu cha mẹ từ-bỏ sự thanh-nhàn và sự thỏa-mãn hoặc dục-vọng vị-kỷ có thể kéo mình xa gia-đình, thì công-việc này mới thành-tựu được.

Phép giáo-dục chơn-chánh phải có sự kính-sợ Đức Chúa Trời, sự vâng-phục, sự yêu-thương và sự tôn-trọng kẻ đồng-loại làm nền-tảng. Ông *Goethe* nói rằng: «Sự tôn-trọng là chỗ cực-hảo của mỗi khoa sư-phạm.» Nhưng trong thời-dại thông-minh, học-thức này, tinh-thần giải-phóng và bất-phục là một vấn-đề được bọn thanh-niên

đứng trên đường lia-bỏ Đức Chúa Trời mà bàn-luận. Kinh-Thánh có nói tiên-tri về thời-kỳ «người ta đều nghịch cha mẹ, bội-bạc, không tin-kính, vô-tình» (II Ti 3 : 2-3).

Lỗi tại ai? Khoa sư-phạm kim-thời há chẳng dạy rằng con trẻ vốn nhơn-lành, và chỉ cần được dưỡng-dục trong hoàn-cảnh thuận-tiện cho các tánh tốt, các ý-hướng về thiện-đức cùng các dục-vọng cao-thượng có thể mở-mang đúng mực và tự-nhiên vững-vàng? Người ta đã hết sức loại-bỏ những phương-pháp sửa-phạt nhằm phép mà tổ-phụ thường dùng; họ cho những phương-pháp ấy là không hợp-thời. Lầm-lạc thay! Ngu-dại thay!

Nhà hiền-triết đệ-nhứt của lịch-sử, là vua Sa-lô-môn, há chẳng nói rằng: «Sự ngu-dại vốn buộc vào lòng con trẻ; song roi răn-phạt sẽ làm cho sự ấy lìa xa nó» (Châm 22 : 15), và rằng: «Chớ tha sửa-phạt trẻ thơ; dẫu đánh nó bằng roi-vọt, nó chẳng chết đâu; khi con đánh nó bằng roi-vọt, ắt giải-cứu linh-hồn nó khỏi Âm-phủ» (Châm 23 : 13-14)? Kinh-Thánh lại tuyên-bố rằng: «Tâm-tánh loài người vẫn xấu-xa từ khi còn tuổi trẻ» (Sáng 8 : 21).

Ta còn có thể trưng-dẫn nhiều câu Kinh-Thánh khác. Nguyên mấy câu trên đây đủ cho ta, và cũng khiến các nhà giáo-dục nảy ra quan-niệm càng ngày càng linh-hoạt về trách-nhiệm mình! Cái quan-niệm đó phải thoát khỏi mọi mối cảm-giác sai-lạc.

Những bậc cha mẹ tin theo Đấng Christ đều chú-trọng về thiện-đức và về sự cứu-rỗi linh-hồn của con-cái mình, vẫn sớm nhận-biết rằng chúng vốn chẳng nhơn-lành, song có rẽ tội-ác trong mình, tự-nhiên khuynh-hướng về tội-ác, và cần được sanh lại. Vậy, chúng ta có muốn để những tư-tưởng hư-không hiện-thời lừa-gạt mình, đến nỗi thử dưỡng-dục con-cái không theo khuôn-phép và trái với những lời Kinh-Thánh dạy chẳng?

Không, nhưng ta càng cảm-biết

trách-nhiệm mình đối với bấy trẻ yêu-
dầu mà Chúa phó-thác cho mình, ắt
càng thẳng tay trừng-trị tội-ác, càng
theo tài phán-đoán, theo tánh cần-
thận, và nhứt là theo tình yêu-thương
mà sửa-trị chúng, càng dạy chúng
phải «kính-sợ Đức Chúa Trời và giữ
các điều-răn Ngài» (Truyền 12 : 13), và
phải «biết Kinh-Thánh vốn có thể
khiến con khôn-ngoaan để được cứu»
(II Ti 3 : 15).

Công-việc lớn-lao, to-tát thay, nhưng
cũng tốt-đẹp, cao-thượng thay ! Phần
thưởng cũng lớn-lao thay ! Quả thật,
nếu một ngày kia, ta có thể la rằng :
«Này, tôi đây, với con-cái mà Đức Giê-

hô-va đã ban cho tôi» (Ê-sai 8 : 18), thì
ta sẽ thỏa-thích và vui-sướng biết bao !

Có lẽ ta thỉnh-thoảng bị cám-dỗ bỏ
cuộc phấn-đấu, vì nó dường như vượt
quá tài-lực mình. Bấy giờ hãy cầu-
nguyện như mọi khi. Hãy hưởng
quyền-lợi đó, hãy làm theo câu
khuyên-giục nhơn-đức của Sứ-dồ Gia-
cơ, tức là câu có chứa lời hứa tốt-đẹp
của Đức Chúa Trời : «Vị bằng trong
anh em có kẻ kém khôn-ngoaan, hãy
cầu-xin Đức Chúa Trời, là Đấng ban
cho mọi người cách rộng-rãi, không
trách-móc ai, thì kẻ ấy sẽ được ban
cho. Nhưng phải lấy đức-tin mà cầu-
xin, chớ nghi-ngờ» (Gia 1 : 5-6).—S. C.

XẾP CẢNH GIA-ĐÌNH

Sạch-sẽ là đồ trang-hoàng của gia-đình.
Tiếp khách là danh-dự của gia-đình.
Tin-kính là sự hưng-thạnh của gia-
đình.
Hón-hở là hạnh-phước của gia-đình.

Đáng yêu là vẻ đẹp của gia-đình.
Trung-tin là sự thành-đạt của gia-đình.
Từ-thiện là tương-lai của gia-đình.
Thánh-khiết là bậc trọn-lành của gia-
đình.—*Le Relèvement.*

THI-CA TIN-LÀNH

MỤC-SƯ PHAN-ĐÌNH-LIỆU

94. LỜI BẢO TRƯỚC CHO PHI-E-RO

(Lu-ca 22 : 31-32)

Si-môn ! Ta dặn, phải nên ghi :
Ma-quỉ sàng người thợ lúa mì.
Chúc-nguyện sau khi lòng hối-cải,
Làm cho vững chí bạn tương-trì.

95. TÔI CHỐI CHÚA

(Lu-ca 22 : 33-34, 54-62)

Có tôi theo Chúa, Chúa đừng lo,
Tôi sợ chi ai ? Chúa dặn-dò !
Lâm trận Chúa nguy, tôi giúp-đỡ ;
Liên tài tôi yếu, Chúa khuông-phò.
Chúa tù, tôi cũng theo tù với ;
Chúa chết, tôi nguyện chịu chết cho.
Ai biết giờ này tôi chối Chúa ?
Tôi nghe gà gáy tiếng ó o...

96. VƯỜN GHẾT-SÊ-MA-NÊ

(Lu-ca 22 : 39-46)

Tại núi Ô-li-ve,
Vườn Ghết-sê-ma-nê,
Jê-sus quì cầu-nguyện,
Nước mắt chảy đầm-dề.

Lời khẩn-vái thiết-tha :

Chén ấy Con khỏi mà,
Nhưng Con không thể tránh,
Vâng theo ý của Cha.

97. CÁI HÔN CỦA GIU-ĐA

(Lu-ca 22 : 47-48)

Hôn mưu, hôn kế, chết người ta,
Hôn của Sa-tan mới thật-thà !
Đánh giá cái hôn ba chục bạc,
Ngàn thu khôn chuộc tiếng Giu-đa !

98. GƯƠM BỈ-ĐẮC (PHI-E-RO)

(Lu-ca 22 : 49-53)

Khêu gan Bỉ-đắc giận lờm-lờm,
Chém đứt tai kia, máu nhỏ tươm.
Chúa chữa lành cho người bạn-nghịch,
Nước trời dùng đạo, chẳng dùng gươm.

99. CHÚA JÊ-SUS ĐỨNG TRƯỚC TÒA CÔNG-LUẬN

(Lu-ca 22 : 63-71)

Kiểm lời nhạo-báng chuyện bông-lông,
Bịt mắt Jê-sus, thử biết không.
Lại vịn nhiều lời làm chứng dối,
Tiếng tòa Công-luận, luận gì công !



BẢY MƯƠI LẦN BẢY

CÔ Hải ngồi gần cửa sổ, học bài; mặt trời vui-vẻ chiếu sáng, nên cô thấy mình sung-sướng lắm, và rất ước-ao làm một việc gì cho Đức Chúa Trời hơn-lành và tròn-vẹn, là Đấng làm nên muôn vật tốt-đẹp biết bao!

Vậy, lúc cô nhắc lại câu Kinh-Thánh: «Dầu trong một ngày, họ phạm tội cùng người bảy lần, và bảy lần trở lại cùng người mà nói rằng: **Tôi ăn-năn**, thì hãy tha tội cho họ» (Lu 17:4), cô bèn lộ vẻ đứng-dấn và cẩn-thận, hai môi mím chặt tỏ ý nhứt-

định lắm. Một lúc sau, cô xuống phòng ăn, chỉ thấy anh Hùng lớn hơn cô hai tuổi, nhưng chẳng hơn cô về phần khôn-ngoa và ăn-ở phải lẽ. Cậu có vẻ quạu-quọ lắm.

—Tội-nghiệp quá, bữa nay mà «ông» cũng phải đi học!

Đó là mấy lời miệng cậu phun ra trước hết; thấy cậu trề môi bĩu mồm khó coi, thì chẳng ai dám trông-mong cậu ăn-nói tử-tế hơn. Nói đoạn, cậu tung sách đương cầm trong tay, rồi lập-tức giơ chơn đá cho một cái xoáy

tròn; sách rơi xuống đất, gẫy gẫy và long hai tờ. Cô Hải la rằng:

—Ồ, anh Hùng! Cuốn toán-pháp của tôi đấy mà! Anh thừa biết bấy lâu

tôi vẫn cố giữ cho nó cứ mới nguyên.

Hùng cất giọng thật là buồn, đáp lại:

—À, chính phải. Thế mà tôi cứ tưởng là của tôi. Tôi nói quyết rằng tôi lấy thể làm phiền lòng lắm lắm. Xin em tha lỗi cho tôi nhớ?

—Vâng.

Cô vừa đáp, vừa lượm mấy tờ rã-rời, và nghĩ đến bài tha-thứ mà mình mới học-

tập. Đoạn, cô lại sẽ tiếng nói thêm: **«Một!»**

Ăn lót lòng xong, hai anh em đi học. Dọc đường, Hùng thỉnh-linh kêu-la:

—Ồi chao ôi! Hải ơi, có con chó to tướng, mắt đỏ ngầu, lưỡi thè-lè, ngó như chó đại!

Tội-nghiệp, cô sợ quá, chạy riết, không nhìn xuống đường, nên thụt chon vào cái hốc và ngã lăn ra đất. Cô té nặng vì chẳng những trầy da nơi cùi-chỏ (khủy tay) tròn-trĩnh, song một chiếc giày mang cá thêu rất đẹp



Ông Phước cố khuyên cô Hải tha cho cậu Hùng.

cũng rách toạc một miếng rất khó coi. Hải khóc ròng không phải tại có cùi-chỗ trầy da (vì cô vốn biết chịu đau-dớn như một tiểu-anh-hùng), nhưng tại có chiếc giày mới đáng thương kia không sao chữa được nữa.

—Ồ, anh Hùng, sao anh nỡ nói lừa tôi như thế? Đó chẳng qua là con chó Mực hiền-lành, không hề làm hại một con ruồi nhỏ.

—Nhưng, Hải ơi, tôi không ngờ em ngà; tôi chỉ muốn em chạy mau một lúc. Tôi buồn vì em đau và chiếc giày hư-hỏng. Em tha-thứ cho tôi nhé?

Hải gắng sức nuốt lời mắng-nhiếc mà rằng:

—Vâng, tôi xin tha-thứ cho anh.

Rồi cô mỉm cười, nói nhỏ: «**Hai!**»



Trong lớp, Hùng lại tỏ tánh rất khó chịu, đến nỗi nhiều phen Hải thiếu đều quên bài tha-thứ mà mình vừa mới học buổi sáng. Trước hết cậu mượn cô cái bút chì và làm mất. Lúc cô đứng dậy nhập bọn với mấy chị em bạn học, thì cậu bé tinh-nghịch xoay cẳng, làm cho cô vướng phải, ngã nhào, hồ-then khôn xiết vì bấy trẻ cười rộ. Nhưng cậu Hùng lại ăn-năn khôn xiết, và cô Hải vốn có tánh nhẹn-nhục lại phải tha-thứ. Suốt buổi sáng, cô còn có cơ phiên-trách anh hai ba lần nữa, nhưng tôi không thuật hết ra đây, e dài quá.

Vậy, xin nói đến lúc tan học. Hải rầu lòng vì thấy tiết trời thay-đổi và mưa như trút nước. Hùng mượn được một cây dù (cái ô), cặp cánh tay em, rồi cầm đầu cầm cổ mà chạy.

—Coi chừng đó anh! Anh lắc dù đến nỗi phần nửa nước mưa đổ trên đầu tôi.

Hùng cãi rằng:

—Chắc vài giọt nước mưa chẳng giết chết em đâu.

Tội-nghiệp! Về đến nhà, Hải mới nhận-biết dù thôi màu, thôi bản, nhỏ nước xuống mái tóc đẹp-đẽ của mình. Hùng nói rằng:

—Quả thật, em thừa thấy tôi không định bụng làm như thế. Nếu em biết tôi lấy việc này làm buồn dường nào, thì tôi dám chắc em sẽ tha-thứ cho tôi.

Hải cố nói:

—Tôi xin tha-thứ cho anh.

Đoạn, cô tính đốt ngón tay, nói một mình: «**Bảy,**» rồi thả dài cho giải muộn. Hùng bối-rối, hỏi:

—Em làm gì mà đếm lăm-băm suốt ngày như thế?

Cô không đáp, nhưng lúc chạy đến bàn ăn cơm trưa, thì môi-miệng cô nẩy một nụ cười ngấm-ngấm thỏa-mãn. Cô nghĩ thầm: «Bảy lần! Chà! Khó-khăn thay! Tôi vui lòng vì mọi sự đã hết, bởi chưng tôi không thể nín-chịu lâu hơn.»



Buổi chiều trời mưa to quá, nên hai anh em được phép ở nhà học-hành trong phòng chơi. Hùng ngáp rồi nói:

—Ừi chà! Trước khi làm bài toán rồi beng này, chúng ta nên đem cái máy hát nhỏ mà chú Phước mới cho em ra đây, vặn cho dạo một bài êm-ái trong giây-lát.

Cặp mắt cô Hải sáng ngời; cô không mạnh-dạn đủ để chống lại lời cám-dỗ, bèn chạy ra ngoài phòng. Chẳng bao lâu cô trở vào, tay cầm cửa bấu, nhẹ-nhàng tra chìa khóa mà vặn máy hết sức cẩn-thận. Nhưng cậu Hùng tinh-quái không để em thấy, lén bỏ một que củi vào bộ máy mỏng-mảnh, đến nỗi khi cô Hải cúi đầu, miệng tủm-tủm cười, đợi nghe tiếng hát, thì máy vẫn câm. Cô la rằng:

—Cái chi vậy?

Hùng lộ vẻ kiêu-căng, đáp lại:

—Ồ, đừng sợ! Tôi là thầy pháp rất tài; nếu em để tôi thò đầu ngón tay vào trong máy, thì mọi sự sẽ xong-xuôi.

Hải giờ bàn tay run-rẩy, trao máy hát cho anh. Mấy ngón tay của Hùng thọc vào máy, chẳng chút rụt-rè, song rút que củi mạnh và vội quá. Các then máy mỏng-mảnh gãy nát; có một tiếng kêu ghê-gớm, tưởng chừng cả cái

im-lặng. Hùng nhìn cái máy đáng thương, vẻ mặt ngẩn-ngơ quá đỗi, đoạn, cất giọng thật ăn-năn mà rằng :

—Em Hải ơi, máy hát đã vỡ, đã hư. Em có thể tha-thứ cho tôi chăng ?

Hải giậm chơn, la-hét :

—Không !... Tôi không thể tha, mà cũng chẳng cần tha nữa. Lần thứ tám rồi còn chi ! Tội-nghiệp, cái máy hát yêu-quí của tôi ! Anh cố-ý làm hư. Anh đối với tôi thật hung-ác, tàn-tệ quá. Tôi phải vào phòng anh, xé tan cái điều của anh, và phá hết mọi vật tôi tìm được.

Hùng ăn-năn hết sức, nên không dám tìm cách ngăn-cản em. Cô chạy qua phòng khách, nước mắt đầm-dề, hai má đỏ gay, lặn vào lòng chú Phước.

—Úi chà ! Cái gì thế cháu ?

Nhưng ông chưa dứt tiếng la, thì cô đã mau-mắn kể-lẽ mọi nỗi thiệt-hại. Khi cô thôi nói, thì ông Phước lộ vẻ nghiêm-trang mà rằng :

—VẬY, cháu tưởng **bây giờ** cháu có cơ tức-giận Hùng chăng ?

Cô hăm-hăm đáp :

—Vâng, tôi có đủ cơ. Tôi đã tha cho anh ấy bảy lần. Bây giờ là lần thứ tám.

—Té ra cháu không biết lời Đức Chúa Jê-sus-Christ phán-bảo Phi-e-rô phải tha-thứ cho anh em mình bảy mươi lần bảy sao ?

Hải rưng-rờ, la rằng :

—Bảy mươi lần bảy ! Tôi tức lắm vì đã cố sức tha-thứ. Tôi đành phải bỏ ý định làm đẹp lòng Đức Chúa Trời bởi tha-thứ cho kẻ khác.

—Tôi ước-ao cháu sẽ không làm như thế.

Hải vừa khóc, vừa nói :

—Nhưng, thưa chú, vậy chớ chú không biết tha-thứ rồi lại tha-thứ mãi thật là khó biết bao !

Ông Phước mỉm cười, đáp :

—Tôi tin chắc rằng tôi cũng hơi biết như thế. (Rồi ông dường như nói một mình). Tôi tưởng các sứ-dồ khi ấy

khuyên-dạy, thì họ liền đồng-thành thưa rằng : «Xin thêm đức-tin cho chúng tôi.» (Ông lớn tiếng nói tiếp). Phải đó, Hải ạ, thật cực-khổ lắm, khó-khăn lắm, song hết thấy chúng ta phải cố-gắng, và không nên tính từng lần một ; vì tôi tưởng bảy mươi lần bảy nghĩa là phải tha-thứ luôn.

—Ồ ! Tôi không đủ sức.

Hải vừa nói, vừa thồn-thức, và quyết tình xây mặt khỏi cậu Hùng đáng thương vẫn đứng trên ngạch cửa, có vẻ ngã lòng, là rõ-ràng lắm. Cậu nói :

—Tôi sẽ đền cho em cuốn sách thuật truyện đi chơi xa. Tôi sẽ để dành hết tiền cho đến khi mua được cho em cái máy hát khác.

Nhưng cô Hải chẳng muốn nghe một tiếng nào. Chú Phước bảo cô rằng :

—Được, song tôi khuyên cháu từ nay trở đi đừng đọc bài cầu-nguyện : «Lạy Cha chúng tôi ở trên trời» nữa.

Hải lạ-lùng quá, cất tiếng hỏi rằng :

—Sao vậy, thưa chú ?

—Cháu thử nghĩ, nếu cháu không chịu tha-thứ cho Hùng mà phải nói : «Xin tha tội-lỗi cho tôi, như tôi cũng tha anh Hùng phạm tội nghịch cùng tôi,» thì đáng buồn biết bao !

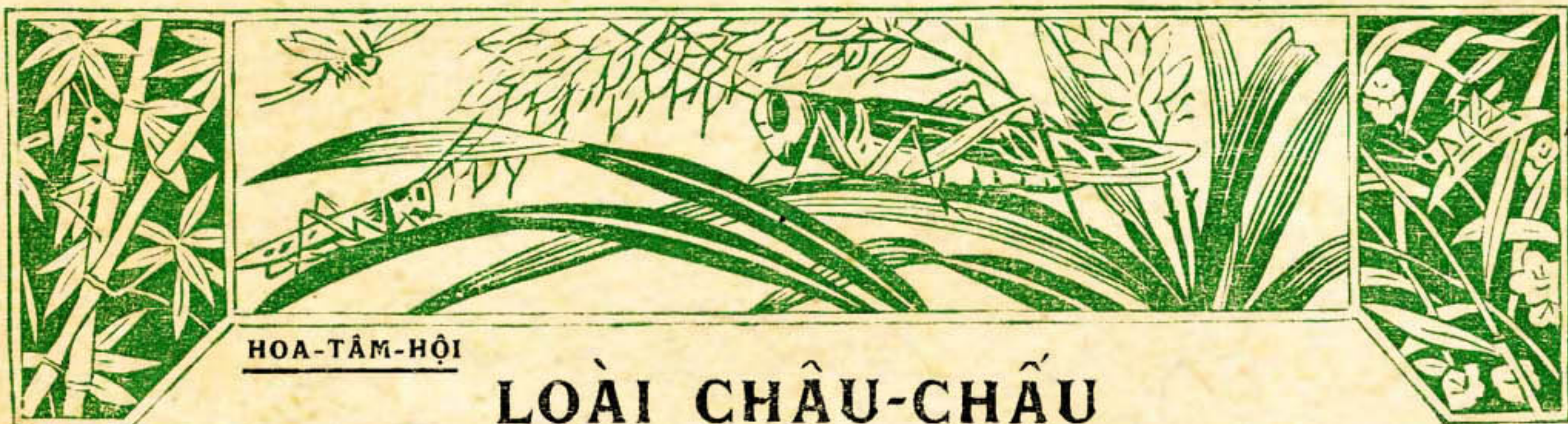
Hai má cô Hải đỏ ửng ; cô rụt-rè một lúc, rồi vừa khóc, vừa kêu rằng mình không thể bỏ cầu-nguyện. Cô chạy tới anh Hùng đã ăn-năn, đáng thương và vẫn đứng trên ngạch cửa ; cô nắm tay anh, thồn-thức :

—Tôi xin vui lòng tha-thứ cho anh !



Từ đó cậu Hùng cẩn-thận hơn và đối với Hải mềm-mại hơn. Nếu các em hỏi cậu rằng : «Hải tha-thứ cho anh bao nhiêu lần,» thì các em sẽ thấy cặp mắt nhơn-lãnh, thật-thà của cậu đầm-dề dòng lụy, và cậu sẽ đáp :

—Hải tốt lắm, nên không đếm ; còn tôi thì không dám đếm. Nhưng tôi tin chắc rằng Hải đã tha-thứ lầm-lỗi cho tôi đến bảy mươi lần bảy rồi. —*Dickens (L'Aube).*



KHỐN-NẠN thay cho xứ nào bị châu-chấu tàn-hại! Ở Đông-dương, ít khi thấy có nhiều châu-chấu như ở xứ Ca-na-an và các xứ bắc Phi-châu cùng phương tây-nam Á-châu.

Một người Pháp đã mô-tả một ngày cả xứ *Algérie* bị châu-chấu tàn-hại. Xin dịch đăng bài của ông lên đây :

Loài châu-chấu ở xứ Algérie

«Bữa đó, trời đẹp-đẽ song nóng-nực. Chẳng có chi làm vẩn bầu trời trong-trẻo. Tôi thỉnh-linh sửng-sốt vì thấy một chấm đen bay về hướng nam. Trong làng tôi đương ở, bỗng có nhiều tiếng thì-thầm, xôn-xao.

Thốt-nhiên có một tiếng la-lối góm-gbê làm cho mọi người đình tai nhưc ặc. Người bồn-xứ kêu om-sòm. Từ mọi chỗ, họ vừa xông lên sân gác, hoặc kéo ra đường phố, đồng-ruộng, vừa hết sức khua-gõ xanh, nổi. Họ ước-ao dùng cách đó để làm cho bầy

châu-chấu đông-đúc kia kinh-sợ mà phải bay đi hướng khác. Nhưng họ luống công; đám mây cứ tiến đến, và một cơn mưa châu-chấu đổ xuống khắp xứ, ngập các đường phố. Khi châu-chấu đã bay đi nơi khác, hoặc chết hết rồi, (có khi châu-chấu chết trên đường đầy tới năm phân tây), thì mất mùa, vì chúng ăn hết thổ-sản. Chúng chỉ để lại ức triệu trứng, qua sang năm lại sinh ra lớp khác.»

Theo Kinh-Thánh, tai-vạ này xảy ra rất nhiều. Loài châu-chấu như một đạo-binh rất đông, bay đi như đám mây hoặc sương mù, làm cho trời sáng hóa ra mờ-mịt (Xuất 10 : 15 ; Quan 6 : 5 và 7 : 12 ; Giê 46 : 23).

Tiếng cánh nó vỗ nghe như mưa rào hay ngựa chạy nơi chiến-trường (Giô-ên 2 : 5 ; Khải 9 : 9). Chúng nó bay đến như đạo quỷ-binh, không tài nào ngăn-cản được (Giô-ên 2 : 8, 9).



Chúng nó cũng ăn tàn-hại : Trước khi chúng nó đến, thì đất còn xanh-tươi đẹp-đẽ, nhưng khi chúng nó đi rồi, thì đất trở nên hoang - vu trơ-trọi, chẳng còn cây-cối hoa-quả (Giô-ên 1 : 4, 7 và 2 : 3 ; Xuất 10 : 12, 15). Không có phương-pháp nào ngăn-trở được chúng ; trong các xứ thường bị chúng gieo tai-vạ, người ta đã dùng mọi kế-hoạch để hủy-diệt chúng, nhưng thấy đều vô-hiệu. Chúng cứ tự-do bay vào nhà, chẳng có gì ngăn-trở được (Xuất 10 : 6 ; Giô-ên 2 : 9, 10).

Các nhà du-lich nói rằng có khi chỉ trong năm phút đồng-hồ (kể từ khi mới thấy nó ở đằng xa như một đám mây), cả một thành-phố đã dường như bị «nước lụt» bằng châu-chấu tràn-ngập. May thay cho dân Y-sơ-ra-ên, là dân Đức Chúa Trời, vì họ được

phép ăn loài châu-chấu (Lê-vi 11 : 22) !

Châu-chấu dạy chúng ta điều gì ? Nhiều điều lắm. Nhưng điều rõ-ràng hơn hết là châu-chấu làm hình-bóng về sự đoán-phạt của Chúa. Ngài không thêm dùng khí-cụ lớn-lao mà hình-phạt kẻ ác ; Ngài không muốn làm như cái chớp-nhoáng đẹp-đẽ sáng-láng của Ngài bởi dùng nó để giết những người xấu-xa như Hê-rốt ; vậy, Ngài chỉ dùng loài côn-trùng (Sứ 12 : 23).

Châu-chấu là một tai-vạ đáng sợ-hãi, nhưng chỉ là một con trùng nhỏ-bé. Cũng một lẽ ấy, đạo-binh của Satan gồm ức-triệu quỷ bay khắp nơi, vào linh-hồn người ta, thì còn có gì đâu ! Nguyên Chúa sai Thần-Linh của Ngài, như trận gió, đuổi hết quỷ-sứ khỏi lòng và địa-vị của chúng ta ! (Xuất 10 : 19).—*Chị Hoa-Hồng.*

TỪ TRÊN NHÌN XUỐNG

«Khả nhìn-xem từ chót» (Nhã-ca 4 : 8)



A. B. SIMPSON

PHẢI, nếu ta đứng ở trên đỉnh núi thiêng-liêng, thì sẽ hiểu được những vấn-đề mình khó giải. Bao phen khách bộ-hành lạc hẵn đường, bèn leo lên ngọn cây hoặc đỉnh đồi, và lại tìm thấy đường ! Tại đó,

người thấy đằng sau có những nẻo quanh-quất mà mình đã trải qua, và đằng trước có cả con đường rộng-rãi đưa mình về nhà. Cũng vậy, trên đỉnh núi Cầu-nguyện và Đức-tin, chúng ta sẽ thấy con đường bằng-phẳng, và biết rằng mình đương đi về nhà.

Chẳng có phương-pháp khác khiến ta thắng nổi thế-gian. Ta phải vượt lên trên thế-gian. Ta phải đứng về phía phần thưởng lớn-lao của mình mà nhìn-xem thế-gian, thì mắt ta sẽ quáng-chói đến nỗi không thấy thế-gian. Ấy chẳng khác chi sau lúc ngấm-xem mặt trời một chốc-lát, mắt

ta bèn quáng-chói đến nỗi không thấy những vật hạ-giới.

Khi chàng thiếu-niên nước Ý đi bán hoa-quả kia thấy mình được kể-tự một lâu-đài của vị công-tước, thì anh em không còn có thể cảm-dỗ chàng ham-mê mỗi lợi buôn-bán nhỏ-mọn, hoặc sự giao-du với những bè-bạn cố-tri. Chàng đã vượt lên trên mọi điều đó.

Ai biết sự trông-cậy do địa-vị Chúa kêu-gọi mình đến, và sự giàu-có, vinh-hiền của cơ-nghiệp mình, thì sẽ có thể coi khinh thế-gian. Kẻ đói-khát, nghèo-khó mới thêm-thường «vỏ đậu» (Lu 15 : 16) của thế-gian. Chúng ta sanh ở miền thiên-thượng, và khát-khao được về nhà mình. Ngày nay chúng ta hãy hết lòng đi đường về nhà, tức là Thiên-dàng !—A. B. Simpson.



ĐỐI với tín-đồ, sống là nghiêng trên ngực Đức Chúa Jê-sus-Christ, còn chết là ngủ yên trong cánh tay Ngài. —*The Alliance Weekly.*



GIẢ-HÌNH

“**X**ẤU hay làm tốt, dốt hay nói chữ,” ở đời không gì đại-dột hơn kẻ giả-hình. Kẻ giả-hình thường bị người ta chê vì giả-đồ mạo đạo, bị Chúa trách vì không phải là tín-đồ thật, và bị Satan khinh vì làm tội nó mà không chịu nhận. Hạng người ấy dễ bị ma-quỉ lợi-dụng, coi là bầy-tôi trung-thành được việc cho mình. Lạ thay, họ chịu khổ chịu nhục đi xuống địa-ngục hơn tín-đồ chịu thương chịu khó đi lên thiên-đàng! Họ ưa người khác kể mình là tử-tế, tốt-lành; nhưng tín-đồ thì muốn tự mình biết mình là tốt. Họ ưa được kể vào hạng người có tôn-giáo hơn là thật có tôn-giáo trong lòng. Rất sốt-sắng việc nhỏ, nhưng bỏ qua việc cần, họ làm bộ là thánh-đồ, kỳ-thực có ý-tưởng quỉ dữ. Nào làm chứng, nào thờ-phượng, chỉ cốt để cho ý dữ được nên trọn. Họ khoác áo thiên-sứ, dặng che tội-ác mình. Cui kìa, con bò-cạp giấu đầu dưới lá cây, tưởng không ai thấy. Cũng vậy, các thánh-đồ giả-dối tưởng mình đã tỏ một vài việc tốt-lành, thì có thể che khuất được mọi tội-ác.

Ta nên tự hỏi mình một cách nghiêm-trang và thật-thà rằng: «Tôi thật tin gì? Tôi thật là người thế nào? Nếu đồng-bào biết rõ lòng tôi và mọi ý-tưởng kín-giấu của tôi, thì sẽ coi tôi ra sao? Trước mặt Đức Chúa Trời, là Đấng oai-nghi xem thấu mọi người, tôi là người thế nào?» Lòng đáng thương đó dầu dối người gạt mình được trôi đi nữa, nhưng sao hay lừa nổi Đức Chúa Trời? Vì «chẳng có sự gì giấu mà không phải lộ ra, chẳng có sự gì kín mà không được biết» (Lu-ca 12: 2).

Lòng giả-hình làm bộ yêu-thương, nhưng thật ghen-ghét; làm bộ thân-thiết, nhưng thật thù-hằn; làm bộ bình-yên, nhưng thật bối-rối; làm bộ nhơn-đức, nhưng thật buông-tuồng xấu-xa. Đối với việc gì, nó cũng luôn có hai mặt: dua-nịnh đây, rửa-sả đó; ngợi-khen đây, nói vu đó. Tình-cảm thật thì nó không tỏ, còn tình-cảm nó tỏ thì lại không thật.

Những kẻ giả-hình rất chú-trọng về cách cư-xử làm đẹp lòng người, nhưng mặc-kệ trong lòng chứa đầy ý-tưởng giận-dữ, ghét-ghen, oán-thù, góm-ghiếc. Họ lo tánh xấu phải lộ ra hơn là lo vì có tánh xấu. Họ chỉ sợ ác-quả những việc bậy-ba sẽ đổ lại trên mình. Họ không dám phạm tội trọng, chẳng vì sợ lương-tâm ngăn-cấm đâu, nhưng vì ưa người ta ngợi-khen mình. Tuy sợ pháp-luật mà không dám ăn-cắp, giết người, làm hại kẻ lân-cận, nhưng nếu trong lòng chứa-chấp ý-tưởng ghen-tương, độc-dữ, tham-lam, thì trước mặt Chúa cũng dường như đã phạm tội trọng ấy (Ma 5:). Khi các tội ấy đang chứa trong lòng, xã-hội dầu không bị hại, song có lẽ chính người có ý-tưởng xấu đó lại bị hại hơn. Vì khi ác-tưởng đã lộ ra việc làm, thì người ta mới thấy mà góm-ghiếc được; chớ khi nó hãy còn ở nơi kín-giấu, thì ai dễ xét rõ mà biết được chẳng?

Có nhiều người ra dáng tốt-lành, tử-tế, nhưng nếu mọi ý-tưởng, mọi tình-cảm hằng ngày thành-linh lộ ra, phô-bày trước mắt xã-hội, thì họ chắc phải chạy trốn như người trốn nạn động đất vậy.

Ôi, vô ngoài! Ôi, mặt nạ! Nó kiêu-

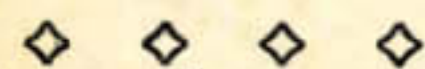
ngạo bước vào nước của Đấng Cứu-chuộc rất khiêm-nhường. Nó chiếm lấy các ngôi cực cao, mặc áo-xống thánh-khiết, lại hát thơ thánh ngợi-khen. Nó lớn tiếng cầu-nguyện, thở hơi êm-dịu vào tai Thiên-Phụ, là Đấng vui nghe và yêu-thương con-cái mình. Về việc này, Chúa Jêsus dạy rằng: «Khi các người cầu-nguyện, đừng làm như bọn giả-hình; vì họ ưa đứng cầu-nguyện nơi nhà hội và góc đường để cho thiên-hạ thấy» (Ma 6: 5).

Danh-tiếng nổi bởi giả-dối, chẳng được bền lâu. Hỡi kẻ giả-hình, hãy nghe thí-dụ của ông *Socrate*: Có người không tài âm-nhạc, nhưng muốn người ta khen mình biết thổi sáo thật giỏi. Hắn bèn mua một ống sáo đẹp-đẽ, và thuê mấy người đồn vang danh mình. Nhưng, rủi thay, tai-nạn thịnh-linh xông vào người ấy! Ngày kia, có một tay tài-tử sành nghề âm-nhạc, khần-khoản mời hắn đến thổi sáo. Ôi thôi, thân-phận vụng-về, đâu dám múa riu qua mắt thợ, hắn phải hết sức từ-chối. Mặt nạ tuột mất, hắn phải hổ-thẹn biết bao! Vả lại, vì hắn đã cắt tiếng âm-nhạc, thiên-hạ lại dễ khinh luôn đến cả mọi việc khác của hắn nữa. Tiếc thay! Có kẻ cứ lăm-bầm rằng người ta không khen mình nhiều; nào có biết đó vì đồng-bào không chịu đánh giá theo ý hắn, nhưng cân giá bằng lẽ thật.

Không nên lấy miệng thể khen chê làm quá quan-hệ, vì nhiều lần, đến cuối-cùng, tiếng mình là người hay hoặc dở sẽ tùy theo lánh tốt hay xấu mà xúng-hiệp với nhau. Ông *Platon* có tả hai người tánh-nết trái nhau, người thứ nhứt thì công-bình trợn-vẹn, người thứ nhì thì giả-dối xấu-xa; nhưng cả hai đều được đồng-bào đối-đãi trái-ngược, chớ không theo câu: «Hay khen, hèn chê.» Vậy, tôi muốn làm ai bây giờ? Làm người công-bình há? Bị đời kể là xấu-xa! Muốn đời khen-ngợi chẳng? Chính mình phải làm kẻ giả-dối! Rút-cực *Platon* quyết-

định rằng thà chịu tiếng oan, nhưng biết mình thật là công-bình, còn hơn được người khen-ngợi mà tự biết là xấu-xa. Lòng nhơn-đức của người công-bình thường êm-dềm vui-vẻ, quý hơn mọi thứ ơn-phước bề ngoài. Tự biết mình quả là cái suối thật-thà đúng-đắn, từ nơi đó cuồn-cuộn chảy ra dòng nước tự-trọng, thì chẳng cũng vẻ-vang lắm sao? Sự cần-yếu để được thỏa lòng là biết mình công-bình, vì chẳng ai trốn khỏi chính mình mình được.

Vậy, có thứ thuốc gì để chữa cái bệnh giả-hình chẳng? Có lắm chớ! Chỉ cần nhớ mãi rằng mắt Chúa thấy rõ mọi sự kín-nhiệm trong lòng ta. Tiên-tri đời xưa đã nói: «Hỡi Đức Giê-hô-va vạn-quân! Ngài là Đấng thử người công-bình, xem thấu trong lòng trong trí» (Giê 20: 12). Ngoài quyền Chúa, không phương-pháp nào đổi được lòng xấu ra tốt, vì «Chúa muốn sự chơn-thật nơi bề trong; Chúa sẽ làm cho tôi được biết sự khôn-ngoa trong nơi bí-mật của lòng tôi» (Thi 51: 6). Như thế, mới khỏi chung một số-phận với đầy-tớ xấu trong thí-dụ mà Chúa Jêsus đã phán: «Chủ sẽ đánh xé xương và định phần nó **đồng với kẻ giả-hình**. Đó là nơi sẽ có khóc-lóc và nghiền răng» (Ma 24: 51).—*Bà C. soạn.*



ĐỊA-BÀN CỦA LINH-HỒN

MỘT cậu con trai ở thôn-quê phải từ-giã trường Chúa-nhật và bạn-bè để ra chốn đô-thị làm-ăn. Một người bạn đã tin Đấng Christ cùng đi với cậu đến chỗ chia tay hai ngã. Bạn dịu-dàng nói với cậu rằng: «Này anh, hãy nhớ rằng anh sắp thả tàu xuống một biển rộng nguy-hiểm.» Cậu đáp: «Phải, tôi biết vậy.» Đoạn, cậu móc túi lấy cuốn Kinh-Thánh, giơ cao lên mà nói tiếp: «Nhưng tôi sẽ nhờ cái địa-bản đúng-chắc này mà cầm vững tay lái.»

Kim chỉ-nam của Ti-mô-thê vẫn là kim chỉ-nam của bạn thanh-niên (xem II Ti 3: 15).—*Sunlight for the young.*

GIẢI NGHĨA KINH-THÁNH

I TÊ-SA-LÔ-NI-CA

(Tiếp theo)

MỤC-SƯ H. H. HAZLETT

e) Cả hai hạng tín-đồ cùng nhau «được cất lên... giữa đám mây, tại nơi không-trung mà gặp Chúa» (17b). Khi các tín-đồ đã qua đời được sống lại rồi, nghĩa là nhờ quyền-năng của Chúa mà ra khỏi mồ-mả và hội-hiệp với chúng ta trên mặt đất này, thì chúng ta sẽ được biến-hóa liền, rồi cả hai hạng đều được cất lên không-trung mà gặp Chúa. Tín-đồ chết sẽ được sống lại trước khi chúng ta được biến-hóa, song họ không được cất lên trước chúng ta đâu. Vậy, ta hiểu rõ rằng chính trong lúc một người đã tin Chúa qua đời, thì linh-hồn người liền đi với Chúa (Phil. 1: 23), và được hạnh-phước ở nơi ấy cho đến ngày Đấng Christ tái-lâm. Khi ấy Ngài sẽ khiến thân-thể của họ sống lại, và đem linh-hồn họ trở lại với Ngài để nhập vào thân-thể mới và vinh-hiến của họ. Câu Kinh-Thánh này cũng tỏ cho ta biết rằng chúng ta sẽ hội-hiệp với Chúa tại nơi không-trung, vì lúc bấy giờ Ngài không xuống tận thế-gian, song chỉ ngự xuống nơi không-trung, tức là chỗ ma-quỉ hiện đương ở. Có một điều chắc-chắn, tức là Chúa, các thánh-đồ, ma-quỉ cùng các ác-sứ của nó không thể ở chung với nhau, cho nên khi Chúa đã nhóm các thánh-đồ Ngài tại nơi ấy, liền xảy có một cuộc chiến-trận rất lớn, và ma-quỉ cùng đạo binh nó sẽ bị quăng xuống tận thế-gian này (Khải 12: 7, 9, 12).

f) «Chúng ta sẽ ở cùng Chúa luôn luôn.» Có nhiều câu khác ở trong Kinh Tân-Uớc tỏ cho ta biết rằng tín-đồ sẽ ở với Chúa trong nước bình-an một ngàn

năm của Chúa ở dưới thế-gian này mà đồng-trị với Chúa trong nước ấy (I Cô 6: 2, 3; Khải 20: 6, v. v.), và sau khi Chúa đã làm nên mọi sự mới, thì tín-đồ sẽ ở với Chúa tại thành Giê-ru-sa-lem mới (Khải 21). Vậy, dầu Kinh-Thánh minh-chứng rằng «chúng ta sẽ ở với Chúa luôn luôn,» song ông Phao-lô không có ý dạy rằng chúng ta sẽ ở với Chúa luôn luôn tại nơi không-trung. Chúng ta sẽ trú-ngụ với Chúa tại nơi không-trung đương lúc có cơn đại-nạn ở dưới thế-gian này mà thôi.

(4) Tín-đồ nên dùng lời này mà yên-ủi nhau (18). Nhờ sự dạy-đỗ quý-báu này, các tín-đồ Tê-sa-lô-ni-ca và mọi người ưa xem Kinh-Thánh trải qua các thế-kỷ, đã hiểu rõ hơn về sự tái-lâm của Chúa; vì vậy, dầu họ có cơ buồn-rầu trong khi một người thân-thuộc của họ đã về thiên-quốc, song họ có thể dùng lời này mà yên-ủi nhau.

ĐOẠN NĂM

1. Ngày của Chúa sẽ đến thình-lình như kẻ trộm (1, 2). Theo nguyên-văn, chữ «thời» ở đây có nghĩa là một thời-kỳ hay là một kỳ-hạn, tức là một thời-kỳ nhứt-định; còn «kỳ» là thì-giờ thuận-tiện ở trong thời-kỳ ấy. Sứ-đồ 1: 7 cũng dịch hai từ-liệu này là «kỳ-hạn» và «ngày giờ;» còn ở Hê 11: 32, thì chữ «thì-giờ» là một chữ với chữ «thời» ở đây. Lại nữa, chữ đã dịch là «kỳ» ở đây, thì ở I Ti 4: 1 đã dịch là «đời,» ở II Ti 4: 3 dịch là «thời,» ở I Cô 7: 5 dịch là «tạm-thời,» và ở Ga 6: 10 thì dịch là «dịp-tiện.» Sở-dĩ ông

Phao-lô không cần viết cho các tín-dồ Tê-sa-lô-ni-ca về thời-kỳ Chúa sẽ tái-lâm là vì lúc còn ở giữa họ, ông đã nhiều lần dạy-dỗ họ về lẽ đạo rất quý-báu ấy. Dầu ta không thể đoán-định ngày và giờ Chúa ta sẽ đến (Ma 24 : 36), song nhờ lời phán-dạy của Ngài ở trong Kinh-Thánh, thì ta nhìn-nhận rằng ngày ấy đã gần lắm. Ta hằng ngày xem báo và thấy các biến-động đương xảy ra trong thế-gian đang ứng-nghiem các dự-ngôn của Đức Chúa Jê-sus, thì ta sao hay chối rằng Đức Chúa Jê-sus chưa trở lại được? Người thế-gian hay luận về «ngày tận-thế,» song chỉ có những tín-dồ của Đấng Christ, là kẻ hay xem lời phán của Ngài trong Kinh-Thánh, có thể biết rõ-ràng về vấn-đề rất cần-yếu ấy.

Dầu có lắm câu Kinh-Thánh dùng chữ «ngày» trong câu 2 để chỉ về một ngày có 24 giờ đồng-hồ, song ở đây nó chắc chỉ về một thời-kỳ rất dài. Vậy nên chữ «ngày» có liên-can với hai chữ «thời» và «kỳ» ở trên câu một, và chỉ về một thời-kỳ sẽ bắt đầu khi Đức Chúa Jê-sus tái-lâm để cất Hội-Thánh lên không-trung với Ngài; đến lúc phán-xét cuối-cùng và lập nước đời đời của Đức Chúa Trời, thì ngày ấy mới mãn. Có người hỏi rằng: Nếu chữ «ngày» này có ý-nghĩa ấy, thì tại sao một thời-kỳ có thể khởi-đầu thành-linh như kẻ trộm đến lúc nửa đêm vậy? Song ta nên nhớ luôn về cơ-hội và từ-tiếp của những lời ông Phao-lô đương chép ở đây. Trong mấy câu chót đoạn bốn, ông đã luận rõ-ràng về sự tái-lâm của Đấng Christ, hầu cho các tín-dồ được an-ủi về phần những bà-con của họ đã qua đời rồi. Biến-động này sẽ là khởi-thủy của ngày Chúa. Vậy, khi Phao-lô dạy rằng: «Ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm,» thì ông có ý dạy về Đức Chúa Jê-sus sẽ đến để tiếp-rước Hội-Thánh Ngài cách thành-linh như kẻ trộm vậy (Ma 24 : 44; Khải 16 : 15).

Mấy năm trước có một ông mục-sư trứ-danh giảng về sự tái-lâm của Chúa

trong một đại-hội-đồng thường-niên bên nước Mỹ. Ông biết rằng có một vài mục-sư khác đương ngồi trên diễn-đài không tin mọi lời ông đương giảng về vấn-đề ấy, nhất là về Ngài thành-linh hiện đến. Vậy nên ông tạm nghỉ giảng một chặp, quay đầu lại, nhìn họ và hỏi từng người một rằng: «Ông có tin Đức Chúa Jê-sus sẽ tái-lâm hôm nay không?» Hết thấy đều đáp: «Tôi tưởng không.» Ông này liền dở Kinh-Thánh và đọc rằng: «Con người sẽ đến trong giờ các ngươi không ngờ» (Ma 24 : 44).

Vả lại, sau khi Hội-Thánh đã được cất lên không-trung, thì Chúa khởi-sự đổ các tai-nạn xuống thế-gian này; mọi tai-nạn kinh-khiếp ấy sẽ xảy ra cách thành-linh luôn, chớ không khi nào có sự báo trước. Khi cơn đại-nạn đã qua, thì Đấng Christ cũng sẽ đến thành-linh với các thánh-dồ Ngài để lập nước bình-an một ngàn năm ở dưới thế-gian này (Ma 24 : 27, 30; Khải 19 : 11-21).

(Còn tiếp)



(Tiếp theo)

MỤC-SƯ J. DRANGE OLSEN

(b) **Phạm tội cùng chính Đấng Christ** (câu 13).—«Khi nào mình phạm tội cùng anh em như vậy, làm cho lương-tâm yếu-đuối của họ bị thương, thì là phạm tội cùng Đấng Christ.»—Hễ làm cho lương-tâm anh em mình bị thương, thì phạm tội cùng người đó. Còn làm cho lương-tâm bị thương, tức làm cho họ bị đau-dớn cần-rức và cảm-biết tội. Vả, sự cảm-biết tội như thế lại gây cho người đó bị phân-rẽ với Chúa, mất sự dạn-dĩ, và khiến cho bị ở dưới quyền của ma-quỉ. Mà kẻ khiến cho anh em mình bị như vậy, chẳng qua là phạm tội với chính Đấng Christ vậy. Ví-dụ, hễ ai làm thiệt-hại cho

con trẻ tất-nhiên làm thiệt-hại cho cha mẹ nó; bởi vì cha mẹ và con trẻ đó có sự tương-quan rất thân-cận với nhau, đến đôi làm hại cho người này chẳng khác gì làm hại cho người kia vậy. Nhưng hề ai có lòng vì-nể cha mẹ, chẳng bao giờ đành lòng làm gì có thể làm đau-dớn lòng họ. Cũng một lẽ ấy, Đấng Christ và tín-đồ có tương-quan với nhau rất thân-mật như đầu và chi của thân-thể, đến đôi làm thiệt-hại cho tín-đồ chẳng khác nào làm thiệt-hại cho Ngài vậy. Nhưng nếu ta có lòng thật kính-mến Chúa, ắt sẽ chẳng hề muốn làm thiệt-hại cho tín-đồ nào nhỏ-mọn hơn hết. Khinh-dễ và làm nhục cho tín-đồ tức là khinh-dễ và làm nhục Đấng Christ; vì-nể, kính-trọng và làm lành cho họ cũng như làm điều ấy cho chính mình Ngài vậy. Ngài có phán rằng: «Hễ các người đã làm việc đó cho một người trong những người rất hèn-mọn này của anh em ta, ấy là đã làm cho chính mình ta vậy (Ma 25: 40). Thế thì, chúng ta phải cẩn-thận, lấy tình yêu-thương mà coi sự yếu-đuối của anh em mình như cái «hàng rào» cho sự tự-do mình, kéo e mình lạm-dụng quyền tự-do đáng quý ấy mà làm thiệt-hại cho anh em mình, khiến cho họ phải trầm-luân chẳng.

2. Chủ-nghĩa tự-chế của đạo

Tin-Lành (8: 13-10: 22)

Trong mấy câu trước, Phao-lô đã nghiêm-huấn sự tự-do của tín-đồ đối với những việc trung-lánh (*choses indifférentes*) vốn có phép làm một cách có hạn-chế. Sự hạn-chế đó là đều ích-lợi cho anh em mình. Hễ ai tự-mãn mà vượt ra ngoài cái hạn-chế ấy, ắt có thể khiến cho anh em mình bị trầm-luân, và vì đó phạm tội nặng-nề với Đấng Christ. Bởi thế, nếu muốn thoát khỏi sự nguy-hiểm của tội ấy, Phao-lô ngỏ lời định-thếp khuyên phải học-tập tự-chế mọi đàng. Nên từ 8: 13 đến 10: 22 ông vẽ ra cái chủ-nghĩa tự-chế một cách rất minh-bạch, tỏ rõ nó là một tôn-chỉ trung-tâm-điểm của đời sống tín-đồ

Đấng Christ. Sự luận-giải về vấn-đề này chia ra 5 phần, xin lần-lượt kê-cứu như sau đây: a) Đại-ý của chủ-nghĩa tự-chế, 8: 13. b) Cái gương tốt của Phao-lô biểu-minh cái chủ-nghĩa tự-chế, 9: 1-23. c) Hễ tín-đồ không khứng tự-chế và khắc-kỷ, hẳn không được may-mắn, 9: 24-27. d) Phạm tín-đồ không chịu tự-chế tự-dục, ắt phải bị nguy-hiểm lớn, 10: 1-13. e) Ứng-dụng chủ-nghĩa tự-chế cho sự dự tiệc cúng, 10: 14-22.

a. Đại-ý của chủ-nghĩa tự-chế, 8: 13.—Trong câu 13 Phao-lô tỏ ra đại-ý và trái tim của chủ-nghĩa tự-chế. Ông rằng: «Cho nên nếu đồ-ăn xui anh em tôi vấp-phạm, thì tôi sẽ chẳng hề ăn thịt, hầu cho khỏi làm dịp vấp-phạm cho anh em tôi.»—Nói cách khác, thì Phao-lô quyết rằng mình sẽ làm mọi sự hầu cho anh em mình được ích-lợi. Còn sự gì đã không ích-lợi mà lại có hại cho anh em, thì ắt không bao giờ làm đến. Còn ý ấy là cái trung-tâm-điểm của chủ-nghĩa tự-chế vậy. Trong Rô-ma 14: 7 lại có chép: «Vả, chẳng có người nào trong chúng ta vì chính mình mà sống.» Ý-muốn của Chúa là chúng ta sống cho Ngài. Mà hề sống cho Ngài, tức là vì anh em mình mà tự hi-sinh vậy. Cho nên trong Ma-thi-ơ 18: 6, Ngài nghiêm-huấn rằng: «Hễ ai xui cho một anh em yếu-đuối phải vấp-ngã, thì thà buộc cối đá vào cổ kẻ ấy mà quăng xuống biển còn hơn.» Dường ấy, tuy ta có phép tự-do làm điều này điều kia, thì ta cũng phải vì sự ích chung cho anh em mình mà chịu hạn-chế, buộc mình vì họ mà tự-chế, vì họ mà hi-sinh mọi sự ưa-muốn và đặc-quyền của mình, mong sao cho họ được phần lợi-ích; đến đôi dầu chỉ nhỏ-mọn như một thức ăn nào có thể khiến cho ai vấp-phạm, thì ta nên tự-chế, đồng-ý với Phao-lô mà quyết rằng: Nếu việc nào tôi làm có thể xui cho ai vấp-phạm, thì không bao giờ tôi chịu làm, dầu theo lẽ tự-nhiên, tôi có phép làm đến mấy đi nữa cũng không hề làm. Như thế, mới đáng gọi là giữ luật-pháp của

Đức Chúa Trời trọn-vẹn. Vì luật ấy chỉ có hai điều, tức là hết lòng kính-mến Đức Chúa Trời và yêu-thương người lân-cận như mình. (Còn tiếp)



(Tiếp theo)

(Lược-khảo sự cầu-nguyện theo Thánh Ma-thi-ơ)

BÀ HOMERA HOMER-DIXON

Đoạn 19 : 25-26. Đây có tiếng kêu-la thất-vọng của một người sẽ dấn-đem vô-số linh-hồn đến cùng Đấng Christ, và có tiếng Chủ đáp lại để giục lòng người. Chớ nhìn-xem mình ! Hãy nhờ Ngài làm việc ! Núi-non tan-chảy trước mặt Ngài (Ê-sai 64 : 1 ; Ma 17 : 20). Có kẻ nói rằng cầu-nguyện tức là làm việc ; không phải, cầu-nguyện tức là nhờ Đức Chúa Trời làm việc !

Đoạn 20 : 20. Đó là lời cầu-nguyện trái phép nhưng thông-thường hơn hết ! Sự cầu-nguyện chẳng cho ta đi đường tắt để được vinh-hiến không bởi làm-lụng khó-nhọc, và để được cảnh thanh-nhàn mà mình không đáng hưởng. Sự cầu-nguyện chẳng phải là một cách dễ-dàng để thay cho sự chết vì Chúa.

Đoạn 20 : 23. Hãy chú-ý đến cách Đấng Christ bày-tỏ rõ-ràng rằng Đức Chúa Cha giữ quyền riêng về sự ban-cho. Đức Chúa Cha ban ơn để đáp lại lời cầu-nguyện của chúng ta ; còn Đức Chúa Con thì vì chúng ta mà làm việc và trao ơn của Đức Chúa Cha cho chúng ta. (Hãy xem Gi. 3 : 16 và 17 : 6, 22, vân vân). Có thể nói rằng mỗi ơn ta cầu-xin nhờ danh Đức Chúa Jê-sus thì Đức Chúa Cha ban cho Đức Chúa Jê-sus, rồi Đức Chúa Jê-sus trao lại cho chúng ta (so-sánh Thi 68 : 18 với Êph. 4 : 8-11).

Đoạn 20 : 30-34. «Chúng rầy hai người ấy,» và còn rầy những người bởi sốt-sắng cầu-nguyện mà làm đứt

đoạn sự «ngáy» của những kẻ ngủ thiêng-liêng, và sự mơ-tưởng hão-huyền của các tín-đồ nguội-lạnh. «Nhưng họ kêu lớn hơn nữa»—và được đều mình muốn. Hiện nay Đức Chúa Trời còn chuyên-chú nghe những lời cầu-nguyện đường ấy.

Đoạn 21 : 13. Nhà này trước nhứt phải là nhà để dâng lời cầu-nguyện ; nhưng họ làm cho nhà ấy thành ra hang trộm-cướp. Trong đời này, cái nhà được đặt tên là Nhà-thờ trước nhứt phải làm nơi khẩn-nguyện—lời khẩn-nguyện này quay các bánh và thoa dầu các trục bánh, đến nỗi xe Tin-lành chạy khắp thế-gian. Nếu thời cầu-nguyện, thì chúng ta (1) ăn-cấp của Đức Chúa Trời những linh-hồn đáng dâng vinh-hiến cho Ngài, những dịp-tiện làm việc cả-thể và tôn cao danh lạ-lùng của Ngài cho đến các đầu cùng đất ; (2) và ăn-cấp của những kẻ đồng-loại bởi thời cầu-nguyện cho mọi thứ ơn-phước thiêng-liêng trên trời đổ xuống đầy-dẫy lòng họ.

Ê-sai 56 : 7 chép về một nhà có mọi nước đến cầu-nguyện, và có lời cầu-nguyện vì mọi nước mà bay lên.

Đoạn 21 : 14. Nhà cầu-nguyện tức là nhà chữa bệnh. Lắm người quên bằng chơn-lý quan-trọng ấy.

Đoạn 21 : 21-22. So-sánh với 17 : 20-21 và Mác 11 : 23-24. Hãy xem Đấng Christ lo-lắng cho chúng ta đường nào bởi làm chứng về quyền-phép lớn-lao mà Ngài đã cho chúng ta được dùng. Núi-non là vật bền-vững nhứt mà chúng ta thấy được ;—nhưng xin hãy đọc thật kỹ Ê-sai 40 : 12 ; 49 : 11 ; Ha-ba-cúc 3 : 6.

Trong **Đức Chúa Trời**, chúng ta thấy cả bí-quyết «làm tan-nát các núi.» Ngài làm việc ấy, chớ không phải là chúng ta làm ; nhưng, bởi cầu-nguyện, chúng ta nhờ Ngài làm việc ấy, chúng ta làm theo lời Đấng Christ phán ở Giảng 14 : 13-14, và chúng ta «nói ra» công-việc Đức Chúa Trời đương làm, tỉ như ở II Sử 20 : 23-22. (Còn tiếp)



BÀI HỌC NGÀY = CHÚA NHẬT =



7 OCTOBRE, 1934

BÀ P. E. CARLSON

Ê-LI NGHE TIẾNG CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

(I Các Vua 19 : 9-18)

CÂU GỐC:—Hỡi Đức Giê-hô-va, xin hãy phán, kẻ tôi-tớ Ngài đang nghe

(I Sa-mu-ên 3 : 9)

LỜI MỞ ĐĂNG

CHÚNG tôi nhớ lúc ông Ê-li nằm ở dưới cây giếng-giêng tại nơi đồng-vàng, thì Đức Chúa Trời sai một vị thiên-sứ dọn đồ-ăn cho ông. Ăn xong, Ê-li được sức rất lạ-lùng, đến đổi đi đường trong bốn mươi ngày mà không cần ăn chi hết đến khi tới núi Si-na-i. Núi ấy là chỗ mà Đức Chúa Trời đã hiện-diện ban mười điều-răn cho ông Mô-i-se; lần này trong chính chỗ đó, Ngài cũng tỏ mình ra cho Ê-li, là người đã kiếm lại mười điều-răn đó (Ma-la-chi 4 : 4, 5). Sau khi Chúa đã lo về phần xác cho ông Ê-li, thì mới lo về phần thiêng-liêng.

I.—Tiên-tri sờn lòng (câu 9)

Vì cớ sao ông Ê-li là tiên-tri của Đức Chúa Trời phải sờn lòng? Có mấy điều làm cho ông phải bị thất-bại nhằm ngày ông ở trên núi Cạt-mên; ông làm công-việc khó-nhọc : Nào tìm đá xây bàn thờ, nào sắm bò dâng của-lễ, nào giữ-gìn bọn tiên-tri của Ba-anh không làm điều gì phỉnh-gạt, hoặc chạy trốn. Ông Ê-li đã lấy lòng sốt-sắng cầu-nguyện Chúa ban lửa từ trời xuống đốt của-lễ thiêu, và cũng xin mưa. Đoạn, ông chạy từ núi Cạt-mên tới Gít-rê-ên, cách ba chục cây số. Sau rốt, ông rất buồn-bực, vì A-háp và dân Y-sơ-ra-ên không ăn-năn như ông đã tưởng. Những điều ấy hiệp lại làm cho Ê-li mệt-đur. Cho nên, khi lời Chúa đến cùng ông thì lòng ông bị cảm-động, và tâm-tình phản-đối nhau : Sự hồ-nghì nghịch cùng đức-tin, hồ-thẹn nghịch cùng kiêu-ngạo, lăm-bầm nghịch cùng tin-cậy.

II.—Lời hỏi hẩn-hoi

Ta không thể trốn đâu cho khỏi nghe tiếng của Đức Chúa Trời (Thi-thiên 139 : 7-12). Khi ông Ê-li ở trong hang đá, thì nghe

lời Chúa phán với mình rằng: «Hỡi Ê-li, người ở đây làm chi?» Ông Ê-li vì thiếu đức-tin đã trốn-bỏ bổn-phận mình, nên Chúa dùng câu này mà quở-trách ông và khiến ông phải tỏ hết tâm-sự. Khi chúng ta gặp người nào sờn lòng và buồn-bực, dùng lời khuyên-lơn vô-ích, thì thà cứ để họ tự tỏ lòng mình; vì đó là cách mà Đức Chúa Jê-sus đã làm (Lu-ca 24 : 17).

III.—Lời đáp buồn-bực (câu 10)

Đây là lần thứ nhứt mà Đức Chúa Trời được gọi bằng «Giê-hô-va Đức Chúa Trời vạn-quân» (II Sa 5 : 10). Câu này tỏ ra ông Ê-li thiếu sự nhin-nhục, vì không thấy kết-quả như ông tưởng.

«**Tôi đã rất nóng-nảy sốt-sắng.**» Thiệt ông đã sốt-sắng quá trên núi Cạt-mên, và Đức Chúa Trời đã tỏ ra quyền-phép lạ-lùng, nên Ê-li tưởng chắc-ràng cả dân Y-sơ-ra-ên cùng vua A-háp với hoàng-hậu Giê-sa-bên sẽ ăn-năn liền. Song vua và hoàng-hậu chẳng bỏ con đường tội-lỗi của mình đâu, trái lại, họ cứ giữ lòng cứng như đá.

«**Họ kiếm thể cắt mạng sống tôi.**» Có một thầy giảng kia nói: «Tôi cầu-nguyện cả ngày về bài giảng của tôi, mà sao người ta nghe bài đó thì không cảm-động gì? Khi tôi ngẫm-nghĩ về sự đó, thì ma-quỉ xui-giục tôi phải tự hỏi: Cầu-nguyện như vậy có ích gì chẳng?» Theo lẽ tự-nhiên sự lơ-làng như thế là một điều dễ hiểu, vì chúng ta không thể biết về sự kết-quả công-việc của mình có được thành-tựu hay là không, chỉ một mình Chúa biết thôi. Dầu ông Ê-li không biết, nhưng Kinh-Thánh chứng rằng công-việc ông làm đã kết-quả rất tốt.

Lời đáp này lại tỏ ra Ê-li than-phiền, vì ông tưởng mình cơ-khở là dường nào.

Minh đã làm công-việc khó quá, và lấy lòng sốt-sắng hầu-việc Chúa, song chẳng thấy phần-thưởng gì. Có tin-đồ than-thở hoài đến đôi rơi nước mắt, song họ không biết rằng làm như vậy khác nào uống thuốc độc thiêng-liêng khiến cho đời sống mình phải hư-hoại. Có câu rằng: «Đừng khóc-than về chính mình mình, song hãy thương-xót kẻ khác; Trời lo-liệu cho mình rồi, hễ ai còn lo-sợ thì phạm tội.»

Ông Ê-li trả lời một cách hục-hắc lắm, vì ông lấy lòng nóng-nảy mà cáo đồng-bào mình dường như muốn Chúa trả oán cho họ. Thỉnh-thoảng khi thấy Hội-Thánh mình không được tấn-bộ thì thầy giảng hay kiểm thế đồ thừa cho tin-đồ. Song thái-độ ấy không giúp chi hết.

«**Dùng gương giết những tiên-tri Ngài.**» Ông lấy lời than-phiên ấy mà trách Đức Chúa Trời không bình-vực những tiên-tri của Ngài theo lý phải, và ông Ê-li lại lo về công-việc Chúa hơn chính mình Ngài vậy. «**Chỉ một mình tôi còn lại.**» Câu này tỏ ra tánh ích-kỷ quá lẽ.

IV.—**Sự bày-tỏ minh-bạch** (câu 11)

Chúa muốn dạy ông Ê-li hai điều: **Thứ nhứt**, Ngài muốn cho ông hiểu rằng Ngài không bị bắt-buộc phải theo một cách mà thi-hành. Ông Ê-li tưởng Đức Chúa Trời buộc phải tỏ ra quyền-phép của Ngài một cách mãnh-liệt, song về sau ông biết rằng không có Chúa ở trong ngọn gió, hoặc ở trong cơn động đất, hoặc trong đám lửa. Mấy điều này không làm cho ông cảm-động gì hết, nhưng khi ông nghe một tiếng êm-dịu nhỏ-nhẹ, thì cảm-động quá, và «lấy áo tơi bao-phủ mặt mình, đi ra đứng tại miệng hang.» Chúng ta không nên lầm tưởng rằng Đức Chúa Trời buộc phải theo một cách mà tỏ ra quyền-phép của Ngài luôn đâu. Có tin-đồ kia đã giúp một người ngoại cầu-nguyện tin Chúa ở dưới gầm cầu; từ đó về sau y tưởng rằng khi cầu-nguyện cho ai thì buộc phải dẫn người ta xuống gầm cầu mới được.

Thứ hai, Chúa muốn dạy cho Ê-li hiểu rằng Ngài đã tỏ ra quyền-phép của Ngài để dự-bị một cơn phẫn-hung sắp tới, nghĩa là sau khi Ê-li giảng lời của Đức Chúa Trời, là lời có thể đổi lòng người ta cách êm-dịu, và linh-nghiệm. Luồng gió,

động đất, và đám lửa đó là ba ví-dụ chỉ về cách ngăm-đe mà ông Ê-li đã dùng hồi trước, song chỉ khiến người ta nhát-sợ, chớ không cảm-hóa được ai cả. Dầu hôm qua người Y-sơ-ra-ên có hoan-hô: «Giê-hô-va là Đức Chúa Trời,» song ngày nay họ buông mình vào cuộc ăn uống no say của Giê-sa-bên. Vậy bây giờ phải dùng một cách khác mà thúc-giục họ phải ăn-năn tội, tức là dùng tiếng êm-dịu nhỏ-nhẹ đó. Ông Ê-li bị đau-đớn lắm vì tiếng đó thấu đến tâm-khảm của ông. Tiếng ấy là dấu báo hiệu chỉ về chức-vụ mới của ông Ê-li, và khi sau chính Đức Chúa Jê-sus sẽ làm cho trọn.

Những sự mãnh-liệt đó phải qua đi, và tiếng êm-dịu của Đức Chúa Trời còn lại trong tai ta, là tiếng mà Chúa dùng Kinh-Thánh, Đức Thánh-Linh, tôi-tớ của Ngài, và những cơ-hội để phán-dạy chúng ta. Có lẽ Chúa dùng tiếng đó mà quở-trách chúng ta. Nếu vậy, hãy nghe! đừng đợi cho đến khi Ngài phải sửa-phạt. Có khi Ngài dùng tiếng đó để chỉ đường cho chúng ta; vậy phải trông-đợi và nghe! Chúng ta hãy coi chừng những tiếng khác, vì sẽ có nhiều thứ tiếng mà không phải đến từ Đức Thánh-Linh.

V.—**Chúa lại dùng Ê-li** (câu 15-17)

Ê-li có phạm tội với Chúa bởi tâm-cảnh của ông, song Chúa không bỏ đầy-tò mình mà cứ định dùng ông để hầu việc Ngài nữa. Người nào làm công-việc Chúa thì có phước lắm, nên Chúa cho Ê-li hầu việc Ngài nữa để yên-ủi ông. Câu 15 dạy chúng ta hai điều: Một là, có khi thất-bại đến nỗi Chúa không dùng mình nữa như vua Sau-lơ, song không phải như vậy luôn đâu. Dầu Đức Chúa Trời như một ông chủ hay đòi, song khi xưng tội với Ngài và xin Ngài ban sự khôn-ngoa, thì Ngài «ban cho cách rộng-rãi không trách-móc ai» (Gia-cơ 1: 5). Hai là, Ê-li không phải là người cần nhứt trong công-việc của Chúa, vì Chúa có thể dùng người khác. Chúng ta cũng không phải người cần-yếu nhứt, vì chúng ta chỉ như là một cái khoen trong giây xiềng dài mà thôi; đời sống mình ngắn-ngủi lắm, còn công-việc của Chúa thì lâu-dài không cùng.

Ông Ê-li giảng nhiều về sự đoán-xét mà ít nói về ân-diễn, như vậy ông dọn đường

cho ông Ê-li-sê là tiên-tri giảng nhiều về ân-diễn mà ít về sự đoán-xét.

VI.—Tin mừng làm vững lòng (câu 18)

Chúng ta không nên ưu-sầu về tương-lai của Hội-Thánh, dầu nó nhỏ-yếu, song thuộc về Đức Chúa Trời là Đấng vô-số bất-năng. Đức Chúa Trời nhắc lại cho Ê-li biết còn có bảy ngàn người không quí gỏi trước mặt Ba-anh. Vậy chúng ta nên nhớ và nghĩ đến bảy ngàn người đó vì họ dạy chúng ta nhiều điều.

1. Hãy giao-thông với người có lòng yêu-mến Chúa và theo lời quí-báu của Ngài. 2. Đức Chúa Trời yêu-thương những người đó, nên chúng ta phải rán sức mà yên-ủi và giúp-đỡ họ. 3. Trải qua các thời-đại Đức Chúa Trời vẫn có một phần người trung-tín với Ngài. 4. Không phải chỉ một mình ta hầu-việc Chúa, song vẫn còn có vô-số người khác cũng hầu-việc Ngài, nên ta phải nhớ cầu-nguyện cho họ.

Chúng ta hãy nhớ rằng nếu muốn làm việc của Chúa cách trọn-vẹn, thì phải nhờ quyền-phép lớn-lao của Đức Thánh-Linh, cũng lấy đức-tin và lòng sốt-sắng mà giảng lễ thật (I Cô 15: 58).

Thí-dụ về bài học

Ở bên nước Đức có một người giữ nhíp đường (người bẻ ghi) xe lửa, đương mở nhíp (ghi) cho hai xe lửa khởi dụng nhau, thì thỉnh-linh thấy đứa con nhỏ mình đương đứng giữa hai đường sắt. Xe lửa gần tới, nếu ông không mở nhíp (bẻ ghi), thì chắc hai xe đụng nhau và nhiều người phải chết; còn nếu ông không chạy ra mà cứu em nhỏ, thì chắc nó bị xe lửa đè chết. Lòng ông đau-đớn không xiết kể, và lúng-túng không biết làm thế nào. Ông không kịp suy-nghĩ phải làm chi, nên la lớn tiếng rằng: «Nằm xuống, con, nằm xuống đi.» Rồi ông đi mở nhíp đó. Xe lửa chạy qua

mau lắm, song những hành-khách ngồi trong xe không ngờ có một tấn thảm-kịch mới xảy ra. Khi xe qua rồi, ông chạy ra và sợ-hãi lắm, vì tưởng sẽ thấy cái thây tan-nát đầm-đìa những máu của con mình. Song vui thay! Ông tới nơi thì em nhỏ đứng dậy và không bị thương-tích gì cả. **Em đó đã nghe và vâng lời ông.**

Trước khi học bài, xin đọc:

Ngày thứ hai, đọc I Các Vua 19: 9-18—Ê-li nghe tiếng Đức Chúa Trời.

Ngày thứ ba, đọc Sáng-thế Ký 6: 13-22—Nô-ê nghe tiếng Đức Chúa Trời.

Ngày thứ tư, đọc Sáng-thế Ký 12: 1-9—Áp-ram nghe tiếng Đức Chúa Trời.

Ngày thứ năm, đọc I Sa-mu-ên 3: 1-14—Sa-mu-ên nghe tiếng Đức Chúa Trời.

Ngày thứ sáu, đọc Sứ-đồ 9: 1-9—Sau-lô nghe tiếng Đức Chúa Trời.

Ngày thứ bảy, đọc Khải-huyền 1: 10-20—Giăng nghe tiếng Đức Chúa Trời.

Ngày Chúa-nhật, đọc Thi-thiên 57: 1-11—Sự trông-cậy Đức Chúa Trời.

CÂU HỎI:

1.—Những điều gì làm cho ông Ê-li sồn lòng?

2.—Hai câu hỏi của Đức Chúa Trời tỏ ra điều gì?

3.—Lời đáp của Ê-li dạy chúng ta ba điều nào?

4.—Trong câu 11, Chúa dạy hai điều nào rất quan-hệ?

5.—Đức Chúa Trời lấy cách nào mà phán cùng chúng ta?

6.—Thuật lại sự dạy-đỗ trong câu 15.

7.—Bảy ngàn người không thờ-lạy Ba-anh dạy-đỗ gì cho chúng ta?

8.—Trong bài học này có điều chi chúng ta nên bắt-chước không?

9.—Bài này có sự dạy-đỗ nào giúp anh chị chăng?

14 OCTOBRE. 1934

MI-CHÊ NÓI NHỮNG LỄ THẬT

(I Các Vua 22: 1-14)

CÂU GỐC:—Ta chỉ Đức Giê-hô-va hằng-sống mà thề, ta sẽ báo-cáo điều gì Đức Giê-hô-va phán-dẫn ta

(I Các Vua 22: 14)

LỜI MỞ ĐẢNG

Đức Chúa Trời đã cho ông Ê-li hay rằng còn có bảy ngàn người chưa quí gỏi xuống thờ-lạy Ba-anh, và trong số đó có ông Mi-chê. Ông Ê-li đã đứng trên

núi Cạt-mên như là đại-biểu của Đức Chúa Trời để chống-ngịch cùng bốn trăm năm mươi tiên-tri của Ba-anh. Cũng một thể ấy, Mi-chê là tiên-tri trung-tín của Đức Chúa Trời đứng trong thành

Sa-ma-ri phản-đối bốn trăm tiên-tri giả tự xưng mình là nhơn danh Chúa mà nói tiên-tri. Vả, phản-đối bốn giả-hình này thật khó hơn chống-nghịch những tiên-tri của Ba-anh kia không biết thờ Chúa. Trong những thời-đại xấu-xa khi phong-hóa suy-đồi, thì Chúa thường sai những tiên-tri đến có lòng dạn-dĩ và trung-tín. Bởi vậy trong đời trị-vì của vua A-háp có nhiều tiên-tri thật danh-tiếng.

I.—A-háp là vua hung-ác

Đoạn sách này nói về vua A-háp và cách vua bị chết. A-háp là một vua rất hung-ác, đến đời hai mươi hai đoạn trong sách I Các Vua thì có chừng sáu đoạn nói đến những sự không công-bình mà vua đã làm (đoạn 16-22).

II.—Giô-sa-phát lằm-lỗi (câu 2-5)

Khi con trai Giô-sa-phát đã cưới con gái của A-háp, thì Giô-sa-phát đi thăm sui-gia của mình, và luôn dịp tìm thể được lòng vua, để khi xảy có chiến-tranh với vua Sy-ri, thì muốn nhờ A-háp giúp mình.

Những tiên-tri của Ba-anh đã bị giết cả rồi, song A-háp đã kêu-gọi bốn trăm tiên-tri giả-hình khác, là những người không kể thực giả, chỉ nói những điều mà vua thích nghe. Họ không ưa lẽ thật, nên «Đức Chúa Trời cho chúng nó mắc phải sự lằm-lạc, là sự khiến chúng nó tin điều dối-giả.» Ngày nay Chúa cũng làm như thế; nếu người ta không chịu nghe lời của Ngài, thì trước sau họ mắc phải điều dối-giả. Hai vua muốn biết ý-muốn Chúa về sự đánh giặc với dân Sy-ri, nên A-háp kêu bốn trăm tiên-tri của mình để hỏi ý-kiến họ. Song vua Giô-sa-phát cảm-biết lời đáp của họ là sai-lầm, vì những tiên-tri đó đã nói chẳng phải bởi Đức Thánh-Linh thúc-giục đâu, vậy nên vua vờ một tiên-tri khác. Vua Giô-sa-phát muốn nghe sự dạy-dỗ của Chúa, là một điều đáng khen, song đáng lẽ vua hỏi ý của Chúa trước thì chắc Chúa không cho phép kết-ước với A-háp.

«Chớ mang ách chung với kẻ chẳng tin.» Giô-sa-phát làm thí-dụ về một người xứng-đáng mang ách chung với kẻ chẳng tin, vì vua không hiểu cái lẽ sáng tối chẳng có sự thông-đồng nhau (II Cô-rinh-tô 6:14-16). Trong đời trị-vì của Giô-sa-phát, có làm ba cái giao-ước với những vua không

biết Đức Chúa Trời, để điều-đinh về sự buôn-bán, sự cưới-gả, việc chánh-trị và tôn-giáo.

III.—Sê-đê-kia và bốn trăm tiên-tri nói dối (câu 6-12)

«Tôi ghét người, vì người chẳng nói tiên-tri lành về tôi. bèn là dũ đó thôi» (câu 8). A-háp nói điều đó thật là đại biết mấy! Vì mỗi lần Mi-chê nói tiên-tri thì A-háp hỏi: «Điều đó là thật không?» Khi Phi-e-rơ chối Chúa Jê-sus rồi nghe gà gáy, thì nhớ lời Chúa đã phán trước về mình sẽ chối Ngài. Nếu Phi-e-rơ làm theo cách của A-háp, thì chắc đã nói rằng: «Gà đó không nói tiên-tri tốt về tôi, thôi, tôi sẽ giết nó đi.» Mà không! Phi-e-rơ không nói bậy như thế. Trái lại, ông «đi ra và khóc-lóc cách đắng-cay.»

A-háp ghét tiên-tri Mi-chê. Có nhiều người ghét đạo Tin-Lành, nói rằng: «Đạo đó chỉ nói xấu tôi luôn, cáo tôi có lòng ‘dối-trá hơn mọi vật và rất là xấu-xa’, và rằng: «mọi sự công-bình của tôi là như áo nhóp, mà thôi nên tôi chịu nó không nổi.» Bởi vậy, họ nói đạo Tin-Lành là một đạo «hẹp» hay «chỉ-chích» và «uru-sầu.» Kỳ thực, đạo Tin-Lành vẽ ra cách minh-bạch cái tánh-nết của loài người, cùng ngăn-trở tánh-tình hay chiều về sự ô-úế của họ. Vả, Kinh-Thánh bày-tỏ cho ta biết về sự kết-quả cay-đắng của tội-lỗi. Vậy chúng ta nên «giảng đạo, cố khuyên, bất-luận gặp thời hay là không gặp thời...» Tội-tớ Chúa chẳng khác nào một tiên-tri phải lấy lòng trung-tín mà nói ra những lời Chúa dặn-biểu, chớ không phải theo ý riêng một người nào. Vì tội-lỗi chẳng những là nói dối mà thôi, song không tỏ ra lẽ thật cũng là tội.

Sê-đê-kia và bốn trăm tiên-tri kia tự xưng là tội-tớ của Đức Chúa Trời, mà dám nói dối. Sự kiêu-ngạo là mẹ của sự nói dối và nó đã đẻ ra nhiều con. Ma-quỉ là cha của sự nói dối (Giăng 8:44). Con-cái của nó chẳng phải là bà-con với lẽ thật đâu. Người ta hay nói dối, vì có «lễ-phép,» «quốc-sự,» việc «nhật-báo,» «buôn-bán,» vân vân; song lấy có «nhơn-đức» mà nói dối mới là ghê-gớm hơn hết (I Giăng 2:21, 22).

IV.—Mi-chê là tiên-tri nói lẽ thật

Mi-chê biết có một cách tốt nhất để giúp vua mình, là cho vua biết mọi lẽ thật

Chúa đã tỏ ra. Không sợ vua, ông quyết-định nói sự thực, như thế mới xứng-hiệp với đạo Chúa. Chúa biểu nói sao thì Mi-chê nói vậy, và giao sự kết-quả cho Chúa. Dầu phải khổ ta nên bắt chước Mi-chê nói lẽ thật của Chúa luôn. Làm chức khâm-sai của Chúa và đem lời của Ngài cho thế-gian là trọng-trách nhứt của tín-đồ vậy. Trong Sử-ký Hội-Thánh, ta thấy những người Chúa đại-dụng đều là người ái-mộ lẽ thật của Chúa hơn mạng sống mình.

Câu 16, 26. Khi Mi-chê đã nói thật về sự đánh giặc đó, thì vua A-háp tức-giận và bảo người bắt ông mà bỏ trong ngục. Song, như một người đập vỡ cái âm-tinh biểu (baromètre) để ngăn-trở bão dừng đến vô-ích là bao nhiêu, thì sự A-háp bỏ Mi-chê trong ngục cũng vô-ích bấy nhiêu, vì chắc không thoát-khỏi sự hình-phạt của Chúa (câu 37, 38).

Làm tiên-tri hay làm mục-sư của Đức Chúa Trời là một ơn riêng rất lớn, song nếu muốn cứ thi-hành chức đó, thì chúng ta phải thành-tín giảng lời Chúa, bằng không, sẽ trở nên như bốn trăm tiên-tri kia của A-háp. Phải «lấy lòng yêu-thương mà nói ra lẽ chơn-thật,» chẳng vì mục-đích không xứng-đáng, như oán-thù, vì như thế tức là làm dịp cho xác-thịt mà thôi.

Câu 30. Vua A-háp tưởng mình ăn-mặc giả-dạng thì sẽ khỏi bị phạt, song «lưới trời khôn tránh.» Hai vua bại trận và A-háp bị giết y lời ông Ê-li đã nói trước (I Các Vua 21:19). Cuối-cùng con đường của những người không chịu nghe lời khuyên-bảo của Chúa rất là cay-đắng (Châm-ngôn 16:25). Nguyên mọi người như thế, hãy nghĩ đến vua A-háp đã nằm trên vũng máu mình.

Đoạn sách này chẳng những tả-vẽ sự căm-dỗ và sự chết của A-háp mà thôi, song cũng dạy những sự căm-dỗ có thể xảy đến cho chúng tôi nữa. Nếu ta không nhờ lời Chúa mà bước tới, thì e rằng thần nói dối sẽ nhập vào, mà dẫn chúng ta đến sự hư-hại thiêng-liêng.

Thí-dụ về bài học

Bên Mỹ có một ông, là *Henri Clay* đi

diễn-thuyết, cử-động nhân-dân bầu-cử mình làm tổng-thống nước Mỹ. Trong khi diễn-thuyết, ông hứa nếu trúng-cử, thì sẽ lấy sự công-bằng mà cải-cách nhiều việc. Có người khuyên ông đừng hứa làm đều đó, vì nếu hứa như vậy, thì họ không bầu ông đâu. Ông *Henri Clay* đáp: «Đều tôi quyết-định làm đó là đều công-bình phải lẽ không?» Người bạn nói: «Chắc là công-bình lắm.» «Vậy, thà tôi làm đều công-bình hơn là được cử làm tổng-thống.»

Trước khi học bài, xin đọc:

Ngày thứ hai, đọc I Các Vua 22: 1-14 — Mi-chê nói lẽ thật.

Ngày thứ ba, đọc Giê-rê-mi 9: 1-9 — Sự bỏ qua lẽ thật.

Ngày thứ tư, đọc Thi-thiên 15: 1-5 — Sự ham-hổ về lẽ thật.

Ngày thứ năm, đọc Ê-phê-sô 4: 14-25 — Lẽ thật là đều rất quý.

Ngày thứ sáu, đọc Xuất Ê-díp-tô Ký 23: 1-9 — Chúa biểu chúng tôi phải nói lẽ thật.

Ngày thứ bảy, đọc Xa-cha-ri 8: 9-17 — Phần thưởng của lẽ thật.

Ngày Chúa-nhật, đọc Thi-thiên 119: 9-16 — Con đường lẽ thật.

CÂU HỎI:

1.—Tại sao vua A-háp quên-bỏ Đức Chúa Trời?

2.—Giô-sa-phát kết-ước với A-háp có mục-đích gì?

3.—Nếu Giô-sa-phát muốn biết ý Chúa về việc này, thì phải nên làm gì trước hết?

4.—Từng-trải của Giô-sa-phát trong truyện-tích này dạy chúng ta đều chi?

5.—Vì cớ sao Chúa không tỏ ý-muốn của Ngài cho bốn trăm tiên-tri của A-háp?

6.—Vua Giô-sa-phát làm hai điều nào mà chúng ta nên bắt-chước?

7.—Khi mục-sư tỏ ra sự yếu-đuối của tín-đồ thì nên ghét ông chẳng?

8.—Có nên vì cớ người ta ghét đạo mà thôi giảng cho họ chẳng?

9.—Có thử nói dối nào mà Đức Chúa Trời kể là vô-tội không?

10.—Đức Chúa Trời đòi đều gì nơi mỗi người làm tôi-tớ của Ngài?



Ê-LI-SÊ GIÚP NGƯỜI TÚNG-NGẶT

(II Các Vua 4 : 1-44)

CÂU GỐC:—Hễ các người đã làm việc đó cho một người trong những người rất hèn-mọn nầy của anh em Ta, ấy là đã làm cho chính mình Ta vậy

(Ma-thi-ơ 25 : 10)

LỜI MỞ ĐẢNG

THEO chương-trình của Đức Chúa Trời, thì trước phải có chức-vụ mạnh-bao của Giăng Bap-tít, rồi sau mới có chức-vụ khiêm-nhường của Đức Chúa Jê-sus; cũng vậy, chức-vụ hung-hăng của Ê-li phải có trước, thì mới có chức-vụ hiền-lành của Ê-li-sê sau. Đức Chúa Trời sắp-dặt công-việc của Ngài có thứ-tự, một người đi trước cày đất, rồi có kẻ theo sau gieo giống. Ấy là tại sông Giô-đanh mà Chúa nhận lấy chức-vụ và được quyền-phép từ trên trời (Ma-thi-ơ 3 : 16, 17); cũng tại nơi đó Ê-li-sê đã nhận lấy chức-vụ (II Các Vua 2 : 9-15).

Khi ông Ê-li đã làm xong chức-vụ ở thế-gian, thì được phước rất lớn, vì chẳng những ông đã được cất lên trời khỏi chết, song cũng dường như vẫn sống ở trong tôi-tớ mình là Ê-li-sê. Còn Ê-li-sê đã lấy tâm-thần quyền-phép của Ê-li mà dẫn-dắt dân Y-sơ-ra-ên. Ông là người ít hay nói, vì trong sáu mươi mấy bài diễn-thuyết của ông đã chép ở trong Kinh-Thánh, ta chỉ thấy có chừng một ngàn chữ mà thôi, song những lời đó là rất hay. Ê-li-sê đã đứng trước mặt các vua mà quả-trách và cai-trị họ. Những vua ấy bị hạ xuống hoặc được nhắc lên tùy theo ý mình. Ông cũng đã làm nhiều phép lạ, như chữa người bình phong được sạch, khiến kẻ chết sống lại, và bắt những đạo binh phục ý mình. Bài học này không nói đến những điều ấy, chỉ nói về Ê-li-sê giúp người túng-ngặt. Thiết tưởng ông muốn chúng ta nhớ điều đó hơn mấy điều kia. Trong việc này chúng ta dễ bắt-chước gương ông.

I.—Ê-li-sê giúp bà góa túng-ngặt
(câu 1-7)

Câu 1. Bà góa này là vợ của một thầy giảng kia đã qua đời mà còn mắc nợ. Theo luật-pháp nhà nước lúc đó, thì người chủ nợ đã đến đòi hai con trai của bà góa để bán làm tôi-mọi. Bà góa đứng trong một địa-vị đáng thương-xót, vì hồi đó đờn-bà góa khổ hơn ngày nay nhiều,

song sự nghèo của bà chẳng phải là bằng-cớ bà không làm đẹp lòng Chúa. Có khi vì không chịu làm điều gì trái sự công-bình mà phải bị nghèo. Cũng có người vì muốn đi học Kinh-Thánh nên bằng lòng bỏ việc ích-lợi mà trở nên nghèo.

Hai câu hỏi quan-hệ. a) «**Ta phải làm gì cho người?**» Có khi Chúa Jê-sus cũng hỏi một câu như vậy: «**Người muốn ta làm điều chi cho người?**» Chúa Jê-sus đã biết sự cần-dùng của họ, song Ngài muốn họ phải xin để tỏ ra đức-tin. Chúa biết sự cần-dùng của ta trước khi chưa xin; dầu vậy, Ngài muốn chúng ta đến xin Ngài. Chúa hiện ra cùng Sa-lô-môn và phán: «**Hãy xin điều gì người muốn ta ban cho người**» (I Các Vua 3 : 5). Hằng ngày Chúa cũng hỏi chúng ta một câu đó (Gia-cơ 1 : 5). Song phải cần-thận đừng lấy tánh ích-kỷ mà xin.

b) «**Người có vật gì ở nhà?**» Câu này dạy hai điều: **Thứ nhứt**, Ê-li-sê không muốn thí cho bà đó như người ăn-may, vì sợ làm cách đó thì sẽ làm cho bà mất danh. Ê-li-sê muốn làm cách nào cho nàng có thể tự giúp. Thiết tưởng cách giúp kẻ túng-ngặt như thế là hay hơn hết. **Thứ hai**, câu này dạy rằng muốn làm việc gì phải hiệp với Chúa. Chúa thường dùng những điều mình có để giúp thêm. Một hũ dầu đó chẳng khác nào một dấu nổi hai tiếng làm một, vì nhờ nó ông Ê-li-sê đổi lại sự túng-ngặt của bà trở nên sự dư-dật. Nhờ một cây gậy không có giá gì mà sự tôi-mọi của dân Y-sơ-ra-ên trở nên sự thong-dong (Xuất 4 : 1, 2, 17). Nhờ hai ổ bánh và ít cá mà đoàn dân đương đói được no-nê (Mác 6 : 38). Ngày nay Chúa cũng hỏi chúng ta: «**Người có chi trong nhà?**» Vậy ta hãy lấy tiền-lãi, và mọi sự mình có để hầu việc Chúa ngay. Có câu: «**Hầu-việc Chúa mà bị hao-mòn, còn hơn ở-nhưng mà bị gỉ-rét.**»

Lời bảo lạ-lùng (câu 3, 4). Chúng ta hãy đem những sự trống-không, sự túng-ngặt của mình cho Chúa thì Ngài sẽ ban phước

cho. «Ngài đã làm cho kẻ đói được đầy thức ngon, và đuổi kẻ giàu (tức là những người cậy mình) về tay không» (Lu-ca 1:53). Và chúng ta hãy lưu phước đó cho kẻ khác. Người đàn bà Sa-ma-ri khi xưa là người trống-không thiêng-liêng được đầy nước hằng-sống của Chúa, rồi chạy vào thành để tìm bạn-hữu còn trống-không, hầu cho họ cũng được đầy nước cứu-rỗi (Giăng 4:13-15, 28-30). Trong đời này biết bao nhiêu người còn trống-không về sự thiêng-liêng, và chúng ta có thể dắt họ đến Suối nước hằng-sống.

Sự vâng lời trọn-vẹn (câu 5, 6). Họ càng đem bao nhiêu bình thì dầu càng chảy bấy nhiêu. Cũng vậy, chúng ta mở tấm lòng chừng nào, thì Chúa đổ phước vào chừng nấy; song nếu bịt lòng thì Ngài sẽ thôi đổ phước. Nếu dầu đó cứ chảy luôn mà không có bình đựng nó thì phao-phi mà thôi.

«Ngài sẵn giúp-đỡ trong cơn gian-truân.» Dầu đó làm hình-bóng về Đức Thánh-Linh, có quyền cứu con-cái chúng ta thoát-khỏi sự làm tội-mọi cho ma-quỉ. Đức Chúa Trời không khi nào làm phép lạ để thỏa sự tọc-mạch của người ta. Vậy nên Ê-li-sê biểu bà góa vào phòng, đóng cửa lại, rồi bởi đức-tin, phải làm theo lời của tiên-tri đã biểu. Làm vậy, Ngài mới tỏ ra quyền-phép khiến cho đầy-đủ sự cần-dùng (Hê 13:8).

Câu 7. Bồn-phận thứ nhất của bà là phải trả nợ. Đức Chúa Trời không muốn con-cái Ngài mắc nợ ai, nếu mắc nợ mà lơ-lửng trả nợ thì cũng phạm tội. Kinh-Thánh rằng: «Đừng mắc nợ ai chi hết, chỉ mắc nợ về sự yêu-thương nhau mà thôi.»

II.—Ê-li-sê giúp đàn-bà giàu-có, túng-ngặt (câu 8:37)

Câu 8-11. Cách làm của bà này là một bài rất hay về sự tiếp khách. Bà nhứt-định theo sức của mình mà lo-liệu cho ông tiên-tri. Khi tội-tớ Chúa đến nhà mình, thì ta có bồn-phận và ơn riêng lớn đối với họ, tức là tùy theo sức của mình phải an-ủi và giúp họ.

Câu 12-17. Ê-li-sê có thể-lực lớn, nên muốn xin điều gì của vua thì được ngay. Bà trả lời một cách tỏ ra mình là người có giá-trị lớn và lòng rộng-rãi, chớ không phải vì tánh ích-kỷ mà tiếp-đãi tội-tớ Chúa. Sự hiếu-thảo là một bồn-phận

không ai từ-chối được, vì mỗi người có thể tỏ ra lòng biết ơn. Người nào lãnh ơn không bao giờ nên quên, còn người nào làm ơn thì chẳng nên nhắc đến hoài.

Câu 18-21. Khi con bà chết thì để nằm trên giường ông tiên-tri. Bà có đức-tin lớn, nên không sửa-soan chôn em, song dự-bị cho em sống lại. (Hê 11:35).

Câu 22-28. Trong cơn buồn-bực bối-rối, chỉ có một chỗ ta phải đi để được yên-ủi và dạy-dỗ, tức là hãy đi đến người của Đức Chúa Trời. Phước thay cho người nào tin Chúa cùng quen những tội-tớ của Ngài, vì trong cơn đau-đớn họ có thể yên-ủi mình.

Câu 29-37. Ghê-ha-xi đặt cây gậy (cây gậy là biểu-hiệu tiên-tri) trên mặt đứa trẻ, song nó không sống lại. Ê-li-sê phải học cho biết rằng ơn-diễn và quyền-phép Đức Chúa Trời đã giao cho mình để làm công-việc của Ngài, thì không có phép giao lại cho người khác. Chúng ta không có phép biểu kẻ khác làm việc mà Chúa đã giao cho mình. Trong một đoạn khác Ghê-ha-xi được tỏ ra là một người rất giả-hình. Thiệt, một tội-tớ không xứng-đáng của Chúa làm cho Tin-Lành ra vô-ích. Chính mình Ê-li-sê buộc phải đi, lấy đức-tin mà cầu-nguyện; nhờ hai điều đó Chúa làm cho đứa trẻ sống lại. Xung-quanh ta biết là bao nhiêu «đứa trẻ» đã chết vì tội-lỗi và nếu chúng ta muốn cứu chúng, thì chính ta phải được tái-sanh, và biết quyền-phép của Đức Chúa Trời mới được. Đừng sai Ghê-ha-xi thay mình đến những «đứa trẻ» chết đó.

III.—Ê-li-sê giúp những tiên-tri trung-tin, túng-ngặt (câu 42-44)

Sau khi Ê-li được cất lên trời và Ê-li-sê đã trở qua sông Giô-đanh, thì những tiên-tri kia thấy Ê-li-sê có quyền-phép lớn hơn mình, cho nên họ đều đến thọ-giáo nơi ông. Ê-li-sê chẳng những lấy lời mà dạy-dỗ họ, song cũng dùng việc làm mà dạy nữa. Đức Chúa Trời đã tỏ ra ơn-diễn lạ-lùng của Ngài cho Ê-li-sê biết, vì vậy trong chức-vụ của ông có nhiều phép lạ tỏ ra ơn-diễn Chúa.

Câu 42. Người đem bánh và lúa đó đã làm phước quá tri mình tưởng-tượng. Cũng như ông *Robert Raikes* khởi-xương dạy bài học Chúa-nhứt thì chỉ suy-nghĩ về những đứa trẻ nghèo trong một làng

nước Hồng-mao mà thôi, chớ không ngờ rằng ấy là khởi-điểm của mấy muôn trường Chúa-nhứt mà hiện nay thấy trong cả thế gian. Có nhiều khi chúng tôi làm một việc nhỏ-mọn cho Chúa, tưởng không ra chi, song về sau kết-quả lớn lắm.

Câu 43. Ghê-ha-xi, cũng như Anh-rê cách mấy trăm năm sau (Giăng 6 : 9) không biết phép toán Chúa. Có câu: «Phép toán theo nhơn-loại thành thiếu; còn phép toán theo Đức Chúa Trời lại dư.» Khi Ghê-ha-xi và Anh-rê tính, thì không kể đến quyền-phép Chúa, cho nên họ tính sai. Chúa thường để mấy tháng làm lúa cho được bánh mì, song có khi Ngài làm hai thứ đó trong một phút đồng-hồ. «Người ta sẽ ăn và còn dư lại.»

Thí-dụ về bài học (câu 29)

Ông Mục-sư kia thuật rằng, khi mình còn nhỏ ông thân-sinh biểu mình làm một điều mình không muốn làm, rồi ông thân đi chợ. Khi ông thân đi chợ thì ông thấy có một cái cửa trong chuồng bò phải sơn, nên ông kiểm sơn và sơn cửa cách kỹ lắm. Ông thân về thấy cửa đã sơn rất tốt, song ông không lấy làm vui, vì việc ông biểu con làm thì chưa làm. Người tin Chúa cũng vậy, chúng tôi sẽ được thưởng chẳng phải vì những điều tốt mình làm theo ý riêng mình, song vì những việc Chúa biểu mình làm mà thôi.

Trước khi học bài, xin đọc :

Ngày thứ hai, đọc II Các Vua 4 : 1-7—Ê-li-sê giúp người túng-ngặt.

Ngày thứ ba, đọc Thi-thiên 10 : 1-14—Sự ước-hiệp người túng-ngặt.

Ngày thứ tư, đọc Gióp 29 : 1-17—Một người làm cha cho kẻ túng-ngặt.

Ngày thứ năm, đọc Phi-líp 4 : 15-23—Lời hứa cho kẻ túng-ngặt.

Ngày thứ sáu, đọc I Cô-rinh-tô 16 : 1-9—Sự dâng tiền cho kẻ túng-ngặt.

Ngày thứ bảy, đọc II Cô-rinh-tô 8 : 1-9—Hi-sinh của-cải cho kẻ túng-ngặt.

Ngày Chúa nhứt, đọc Thi-thiên 41 : 1-4—Cách giúp người túng-ngặt.

CÂU HỎI:

1.—Ê-li và Ê-li-sê chỉ về hai người nào trong Tân-ước?

2.—Ê-li-sê giống Chúa Jê-sus cách nào?

3.—Nếu bị nghèo thì có phải là bằng-cớ mình không đẹp lòng Chúa không?

4.—Nếu Chúa biết mọi sự cần-dùng chúng ta, sao Ngài còn biểu phải cầu-nguyện?

5.—Xin bàn-luận về cách hay nhứt để giúp người túng-ngặt.

6.—Muốn đổ phước vào những kẻ trống-không thiêng-liêng, ta phải làm cách nào?

7.—Những bình dầu đó chỉ về điều chi, và dầu chỉ về ai?

8.—Chúng ta tỏ lòng hiếu-thảo đối với Chúa và tôi-tớ của Ngài thế nào?

9.—Tại sao Chúa không dùng cây gậy mà Ghê-ha-xi đặt trên đứa trẻ để khiến nó sống lại?

10.—Phép lạ hóa bánh mì và lúa có sự dạy-dỗ thế nào?

28 OCTOBRE, 1934

A-MỐT KHUYÊN DÂN Y-SƠ-RA-ÊN LÀM SỰ CÔNG-BÌNH

(A-mốt 5 : 1-24)

**CÂU GỐC:—Sự yêu-thương chẳng hề làm hại kẻ lân-cận ;
vậy yêu-thương là sự làm trọn luật-pháp**

(Rô-ma 13 : 10)

LỜI MỞ ĐẢNG

NHỮNG tiên-tri của Y-sơ-ra-ên vì như các thầy giảng mà Đức Chúa Trời dùng để thúc-giục và dẫn-dắt Y-sơ-ra-ên trở về đường chánh. Trong lúc Y-sơ-ra-ên bị cái ảnh-hưởng của dân ngoại xung-quanh, thì những tiên-tri hết sức chống-cự sự thờ hình-tượng và những sự ô-uế hay phá sự thánh-sạch đặc-biệt của họ. Khi Y-sơ-ra-ên sa-ngã, thì những tiên-tri lấy lòng dạn-dĩ mà giảng lẽ thật, và không cho Y-sơ-ra-ên bỏ quên luật-pháp thánh của Chúa. Nếu

không có A-mốt và những tiên-tri kia, thì dân Y-sơ-ra-ên đã chìm trong biển của sự thờ hình-tượng vậy.

Trong đời trị-vì của Giê-rê-bô-am thứ nhì, dân Y-sơ-ra-ên được tấn-bộ lắm, và có vẻ sốt-sắng về đạo hơn trước. Số người đến nhà-thờ và tiền dâng tăng lên; họ cũng giữ các lễ một cách trọng-thể lắm. Song họ thờ-phượng như thế chỉ tỏ ra đạo-đức bề ngoài mà thôi, chớ trong lòng vẫn chứa nhiều tội-ác. Một ngày kia A-mốt, là người chăn cừu, đương suy-nghĩ về

địa-vị đáng buồn của Y-sơ-ra-ên thì nghe tiếng phán của Chúa bảo mình phải đi nói tiên-tri với dân Y-sơ-ra-ên. A-mốt nghe sự kêu-gọi quả-quyết này thì bỏ nghề của mình mà theo Chúa ngay.

I.—Một bài ca-thương (câu 1, 2)

«Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, hãy nghe lời này...» Những lời này như tiếng sét đánh bên tai Y-sơ-ra-ên đương khi họ ngủ mê trong tội-lỗi và tối-làm thiêng-liêng. Những lời nói của ông A-mốt được Đức Thánh-Linh soi-dẫn, nên chẳng khác nào như lửa trong lòng của Y-sơ-ra-ên đến nỗi họ chịu không nổi. Chính thầy tế-lễ A-ma-xia than-thở rằng «...đất chẳng chịu nổi mọi lời của nó» (7: 10)

Dân Y-sơ-ra-ên được gọi là nữ đồng-trình bởi họ chưa hề phục dưới quyền của nước nào (Ê-sai 23: 12). Sự úp-đồ của người đồng-trình chỉ về sự tàn-hại hư-nát của Y-sơ-ra-ên, vì đã bị nước A-si-ri hà-hiếp lâu rồi. Từ khi vua A-si-ri xâm-chiếm xứ Sa-ma-ri và di dân Y-sơ-ra-ên sang qua A-si-ri, thì họ không trở về xứ của mình nữa. Nước nào lên mình đến đổi quên-bỏ Đức Chúa Trời nên học bài này. Y-sơ-ra-ên dầu như vợ hứa của Đức Chúa Trời, đã khinh-dễ sự yêu-thương lạ-lùng của Ngài, và ham-muốn thế-gian, xác-thịt cùng ma-quỉ. Có nhiều người và nhiều nước đối với Chúa y như dân Y-sơ-ra-ên, song Ngài chẳng khi nào lia-bỏ họ. Hễ khi nào Kinh-Thánh chép về sự sa-ngã, thì cũng chép một bài ca-thương của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời có tình phụ-tử, và con trai phóng-dăng ở phương xa bao lâu thì lòng Ngài đau-thương bấy lâu.

II.—Lời khuyên và lời hứa

(câu 3-9, 14-20)

Mấy câu này nói về phần-thưởng của người nào làm bổn-phận mình. Đến bốn lần, tiên tri lấy lời khiêm-nhường khuyên Y-sơ-ra-ên phải ăn-năn. Chúa thường ban dịp-tiện để khỏi hình-phạt, và Ngài đã sắm «thành ần-náu» cho mỗi người muốn được cứu. Loài người phải tìm-kiếm Đức Chúa Trời. «Hãy tìm-kiếm Ta»; «Tìm-kiếm Đức Giê-hô-va»; «Hãy tìm-kiếm Ngài.» nếu chúng ta tìm được Ngài, tức là tìm được sự sống, sự vui-mừng, sự bình-an, và sự thỏa lòng. Sở dĩ chúng ta tìm-kiếm Ngài là vì thương-yêu Ngài, chớ không phải vì muốn được ơn-phước của

Ngài mà thôi. Nếu tìm được Ngài, thì Ngài hứa rằng chúng ta sẽ sống (câu 4-6, 14).

Câu 5. «Bê-tên sẽ trở nên một nơi đồn-nát.» Có một người chép sử hồi xưa nói về thành Bê-tên (là thành được gọi «nhà của Đức Chúa Trời» và «cửa nước thiên-đàng») rằng: «Bê-tên đã bị đạo-binh Rô-ma phá-tan, đến đời không còn nhớ đến nữa.»

Câu 6. Câu này dạy sự thật về phần xác và phần hồn. Sự đoán-phạt và sự hủy-phá hòng xảy đến và chỉ một mình Đức Chúa Trời có thể cứu họ được. Ngày nay con thanh-nộ của Đức Chúa Trời vẫn giáng trên mọi người chưa tin Ngài.

Câu 18-20. Ta lấy làm lạ khi suy-nghĩ về lòng người ta bỏ quyền Đức Chúa Trời mà môi-miệng họ cứ nói về đạo-đức. Dân Y-sơ-ra-ên đầy-dẫy tội-lỗi ô-uế mà còn trông-mong ngày của Đức Giê-hô-va, dường như họ tưởng rằng trong ngày đó Ngài sẽ cứu họ ra khỏi địa-vị cực-khổ của mình! Song Chúa nói: Khốn-nạn cho người nào tưởng như thế. Nếu họ trốn sự hình-phạt ở một nơi nào thì chắc sẽ bị ở một nơi khác.

III.—Chúa đòi sự phán-xét công-bình (câu 10-13)

Cửa thành hồi đó khác nào một tòa-án và nhân-dân thường nhóm-họp ở đó. A-mốt không lấy làm vui mà trách-móc dân Y-sơ-ra-ên về tội-ác của họ, song ông cũng biết trước khi được cứu thì họ phải bị sửa-trị và dạy-dỗ, rồi mới sẵn lòng bỏ tội mà trở về cùng Đức Chúa Trời.

«Chúng nó góm-ghiếc kẻ nói ngay-thẳng.» Người nào nhứt-định nói ra lẽ thật của Chúa một cách quả-quyết thì chắc sẽ làm mích lòng nhiều người (Lu-ca 6: 26).

Câu 11. Đức Chúa Trời vẫn thương-yêu người nghèo, song họ cứ bị hà-hiếp. Xin coi mấy câu này nói về người nghèo và về người giàu ăn-hiếp họ (câu 2: 6, 7; 3: 9, 10, 15; 4: 1; 6: 6; 8: 4, 6).

Làm việc từ-thiện, thử cái-chánh địa-vị người nghèo trong xã-hội là sự đáng khen, song sức-lực và trí-thức loài người không đủ giải-quyết vấn-đề ấy. Cuối-cùng thời-đại này người giàu sẽ còn hà-hiếp người nghèo (Gia-cơ 5: 1-6). Khi «Đấng lập pháp» của chúng ta tái-lâm, thì «ai nấy sẽ ngồi dưới cây nho mình và dưới cây vả mình, khi ông ai làm cho lo-sợ» (Mi-chê 4: 4).

IV.—Chúa đòi sự thờ-lạy thật (câu 21-24)

Câu 22. «...của-lễ thiêu...của-lễ chay... của-lễ thù-ân...» Những của-lễ này chỉ về các của-lễ thiêng-liêng mà tin-giáo phải dâng khi làm chức thầy tế-lễ của Chúa (I Phi-e-rơ 2: 5; Hê 13: 15). Như vậy há có phải Đức Chúa Trời không chịu những lễ-nhạc mà Ngài đã lập sao? Chẳng phải vậy đâu, song Chúa phản-nghịch sự dùng lễ đó cách không xứng-hiệp. Thứ nhất, Ngài không muốn Y-sơ-ra-ên kể những lễ ấy như là quý hơn sự thánh-sạch, sự công-bình, và sự nhơn-từ. Sau nữa, Ngài không chịu họ dâng những của-lễ đó đương khi lòng họ còn đầy-dẫy sự ô-uế, và Ngài không muốn họ dâng của-lễ để thay-thế cho sự công-bình. Vậy Ngài không biểu họ bỏ những của-lễ đâu, nhưng Ngài biểu họ phải bỏ tội-ác mình trước, rồi mới dâng của-lễ được, vì Chúa ưa sự thật. «Thà hãy làm cho sự chánh-trực chảy xuống như nước, và sự công-bình như sông lớn cuộn-cuộn» (Amốt 5: 24).

Tội-lỗi phải bị phạt luôn luôn, không thể nào tránh được. Đức Chúa Trời đã định: «Tiền công của tội-lỗi là sự chết.» Dầu là cá-nhơn phạm tội hay là toàn-thể một nước, thì sự kết-quả cũng vậy.

Dâng của-lễ, giữ ngày thánh, và hát thơ thánh trong khi lòng mình xa-cách Đức Chúa Trời, thì không đẹp lòng Chúa đâu. Nếu lòng chúng ta còn ham-mến tội-lỗi và không lo cho được nên thánh, thì Chúa ghê-gớm sự thờ-phượng của chúng ta.

Thí-dụ về bài học

Bên Mỹ có hai ông Mục-sư kia, một ông thuộc về tân-phái (phe này tưởng rằng có một phần Kinh-Thánh không được Đức Thánh-Linh soi-dẫn); còn ông kia là người trung-tín với Chúa và giảng hết lẽ thật trong lời Ngài. Ông tân-phái nguội-lạnh, nên hay tìm dịp nói bao-biếm ông Mục-sư kia. Một hôm, vợ ông tân-phái gặp sự rủi-ro, tức là bị phỏng lửa cách gớm-ghiếc lắm. Khi ông kia hay đều đó, thì lập-tức chạy lo quyền tiền

giúp ông kia có tiền trả cho thầy thuốc; ông quyền được hai trăm đồng bạc. Cách đó chừng nửa giờ, ông tân-phái đến thăm ông này, khóc và nói rằng: «Xin ông làm ơn cho phép tôi vào lớp học Kinh-Thánh của ông dạy mỗi ngày thứ hai, vì cách ông học Kinh-Thánh là hay lắm.» Từ đó, ông tân-phái bỏ khoa tân-thần-học mà tin cả Kinh-Thánh, đến ngày nay ông còn trung-tín. Ấy vì có ông kia đã tỏ lòng yêu-thương thật, và nhờ đó ông tân-phái được cứu.

Trước khi học bài, xin đọc:

Ngày thứ hai, đọc A-mốt 5: 10-15—A-mốt khuyên làm công-bình.

Ngày thứ ba, đọc A-mốt 5: 21-27—Chúa ghê-gớm sự giả-linh.

Ngày thứ tư, đọc Châm-ngôn 4: 14-27—Đường-lối của người công-bình.

Ngày thứ năm, đọc Châm-ngôn 10: 1-7—Chúa nhớ đến người công-bình.

Ngày thứ sáu, đọc Rô-ma 3: 21-31—Sự công-bình là thể nào?

Ngày thứ bảy, đọc Giê-rê-mi 23: 1-8—Đấng đoán-xét công-bình.

Ngày Chúa nhật, đọc Châm-ngôn 21: 1-7—Giá-trị của sự công-bình.

CÂU HỎI:

- 1.—Chức-vụ tiên-tri là thể nào?
- 2.—Kinh-Thánh chép một tiên-tri nào được tôn-trọng hơn hết?
- 3.—Khi A-mốt nói tiên-tri thì dân Y-sơ-ra-ên được tấn-bộ không?
- 4.—Vì sao dân Y-sơ-ra-ên khó chịu lời tiên-tri của A-mốt?
- 5.—Dân Y-sơ-ra-ên được gọi là nữ đồng-trình là vì sao?
- 6.—Anh chị biết chắc mình đã tìm được Chúa chưa?
- 7.—Nếu cứ phạm tội thì có thể trông Chúa ban phước không?
- 8.—Phải lấy mục-đích nào tìm-kiếm Đức Chúa Trời?
- 9.—Tại sao Chúa chán những của-lễ của dân Y-sơ-ra-ên?
- 10.—Thí-dụ dạy phải làm cách nào để cứu người thù-nghịch với mình?

